



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 01/2026
Từ 05/01 - 09/01/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM: GIAI ĐOẠN TỚI ĐÒI HỎI ĐỔI MỚI CĂN BẢN TƯ DUY PHÁT TRIỂN, PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

Sáng ngày 08/01/2026, Chính phủ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2025, triển khai công tác năm 2026 của Chính phủ và chính quyền địa phương. Hội nghị được tổ chức trực tiếp tại Trụ sở Chính phủ kết hợp trực tuyến với điểm cầu 34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tổng Bí thư Tô Lâm dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.



Ảnh: Hội nghị tổng kết công tác năm 2025, triển khai công tác năm 2026 của Chính phủ và chính quyền địa phương

Tổng Bí thư Tô Lâm cho rằng, đây là hội nghị vừa đánh giá kết quả năm 2025, vừa nhìn lại chặng đường 5 năm 2021 - 2025 - giai đoạn khó khăn, thách thức nhưng đất nước ta đạt nhiều thành tựu và dấu ấn quan trọng. Trên cơ sở đó, chúng ta cùng khơi dậy quyết tâm, tự tin bước vào kỷ nguyên xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Thay mặt Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Tổng Bí thư Tô Lâm nhiệt liệt hoan nghênh, ghi nhận, chúc mừng, biểu dương Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên, đồng bào, chiến sĩ cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài về những nỗ lực phấn đấu và những kết quả, thành tích đã đạt được trong năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẮT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Chỉ rõ các kết quả nổi bật đã đạt được thời gian qua, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh, trên cơ sở những nhận định khách quan và các số liệu cụ thể, có thể kiểm chứng, có thể khẳng định rằng giữa những bất định trên toàn cầu, trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi, nhưng chúng ta không những giữ được ổn định, trong đó có ổn định kinh tế vĩ mô, mà đã đạt được thành tựu khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin, đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo đà, tạo lực, tạo thế, tạo nền tảng cho những năm tiếp theo, trong đó có mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2 con số trong giai đoạn tới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, Tổng Bí thư nêu rõ, cần nghiêm túc nhìn nhận rằng những tồn tại, hạn chế và thách thức còn nhiều, có mặt kéo dài, có mặt mới phát sinh, phản ánh các nút thắt cơ cấu trong mô hình phát triển và hệ thống quản trị quốc gia.

Phải cải cách đủ sâu, đủ mạnh, đủ quyết liệt

Tổng Bí thư nhấn mạnh, năm 2026 đánh dấu khởi đầu một giai đoạn phát triển mới, gắn với triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2026 - 2030. Đây là năm rất quan trọng định hình mô hình phát triển và quỹ đạo tăng trưởng dài hạn của đất nước. Mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên là rất thách thức. Trong bối cảnh các động lực tăng trưởng truyền thống suy giảm, những hạn chế về năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh bộc lộ rõ, cách làm cũ không còn đáp ứng yêu cầu mới.

Trên tinh thần đó, chúng ta vừa phải giải quyết hiệu quả các vấn đề trước mắt để tạo đà tăng trưởng, vừa thực hiện các cải cách chiến lược, dài hạn để chuyển đổi mô hình phát triển.

Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới, Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập của thể chế để khơi thông nguồn lực đang bị ách tắc; cần chuyển mạnh và thực chất từ tư duy “quản lý” sang “kiến tạo phát triển”, bảo đảm mỗi việc có một đầu mối chịu trách nhiệm, chấm dứt đùn đẩy, né tránh; nếu chậm tháo gỡ sẽ kìm hãm tăng trưởng ngay từ đầu nhiệm kỳ. Song song với đó, là quyết tâm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; điều hành tài khóa-tiền tệ phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, kỹ trị dựa trên nguyên tắc thị trường, tránh lạm dụng biện pháp hành chính; điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp; tái cơ cấu tín dụng vào sản xuất kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên, hạn chế đầu cơ và hoạt động phi sản xuất.

Dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”

Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; mở rộng phân cấp, phân quyền, rà soát để cắt giảm các thủ tục, tạo không gian quyết định và chịu trách nhiệm lớn hơn cho cán bộ, công chức, đồng thời giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, bảo vệ nghiêm ngặt quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, tuyệt đối không được lợi dụng thanh tra, kiểm tra, điều tra để sách nhiễu người dân, doanh nghiệp; chủ động, đổi mới công tác thông

tin, tuyên truyền và dân vận, phát huy các phong trào thi đua yêu nước, tăng cường đồng thuận xã hội...

Ổn định và làm lành mạnh các thị trường trọng yếu của nền kinh tế, tôn trọng đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật giá cả...; xử lý tận gốc các yếu kém của tổ chức tín dụng, tình trạng sở hữu chéo, sở hữu ngầm, cho vay quan hệ. Nghiên cứu cơ chế giải thể có kiểm soát đối với ngân hàng yếu kém, cho phép thành lập ngân hàng mới, tổ chức tài chính vi mô, nhằm nâng cao tính cạnh tranh, an toàn và đa dạng của hệ thống tài chính.

Chuyển đổi căn bản mô hình tăng trưởng dựa vào năng suất và đổi mới sáng tạo. Giai đoạn tới phải đặt nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào trung tâm chiến lược phát triển, coi đây là điều kiện then chốt để vượt bẫy thu nhập trung bình và duy trì tăng trưởng cao, bền vững.

Cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, số, tuần hoàn; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực tăng trưởng mới, và là nhân tố để làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống. Cơ chế khuyến khích ứng dụng công nghệ phải dựa vào kết quả, không hỗ trợ dàn đều; đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia "đúng, đủ, sạch, sống", phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; tạo môi trường thuận lợi hơn nữa để kinh tế tư nhân bứt phá, hình thành các tập đoàn tư nhân lớn, đủ năng lực tham gia hạ tầng trọng điểm, công nghệ cao và các lĩnh vực chiến lược.

Nên lấy năm 2026 là “năm nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở”

Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ, xây dựng hệ thống hạ tầng chiến lược hiện đại, đồng bộ, tạo nền tảng cho năng lực cạnh tranh quốc gia; tập trung nguồn lực cho các dự án hạ tầng chiến lược, mang tính đột phá, đặc biệt là giao thông trục quốc gia, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, năng lượng và hạ tầng số, năm 2026 phải tạo chuyển biến rõ rệt về tiến độ; bảo đảm an ninh năng lượng, nhất là năng lượng sạch, tuyệt đối không để thiếu điện; khẩn trương triển khai các dự án năng lượng quan trọng; đẩy mạnh hạ tầng số thế hệ mới, phủ rộng 5G, nghiên cứu 6G, phát triển trung tâm dữ liệu và từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao, phấn đấu khởi công dự án sản xuất chip bán dẫn; cần xác định lộ trình để Việt Nam gia nhập nhóm quốc gia dẫn đầu về chất lượng hạ tầng viễn thông và độ phủ sóng 5G. Đổi mới mạnh mẽ cách thức triển khai đầu tư công theo hướng dẫn dắt phát triển, lan tỏa và kích hoạt kéo theo nguồn lực tư nhân, qua đó phấn đấu giảm ICOR xuống 4 trong giai đoạn tới.

Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng mật bằng kỹ năng của toàn xã hội; cần gắn chặt thẩm quyền với nguồn lực và trách nhiệm giải trình, bảo đảm sự thông suốt trong điều hành từ Trung ương đến cơ sở; tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấm dứt tình trạng né tránh, sợ trách nhiệm; hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ, thay thế cán bộ, trọng dụng cán bộ có năng lực tốt. Thực hiện nghiêm Kết luận 226 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động

của hệ thống chính trị; đồng thời tháo gỡ các vướng mắc trong vận hành chính quyền địa phương hai cấp, tập trung nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên cấp cơ sở, đặc biệt là xã, phường, đặc khu; nên lấy năm 2026 là “năm nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở”; có giải pháp khai thác tài sản công đang bị lãng phí, và xử lý trụ sở công đôi dư sau sắp xếp, qua đó nâng cao tính chủ động, tự chủ và hiệu quả quản trị của bộ máy nhà nước.

Chiến lược giáo dục - đào tạo cần triển khai gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động và các ngành công nghệ, công nghiệp mũi nhọn; đồng thời nâng cao kỹ năng nền tảng, đặc biệt là kỹ năng số, cho lực lượng lao động; tập trung nâng cao năng suất lao động theo tinh thần Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; đẩy mạnh đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, từng bước đưa trí tuệ nhân tạo và rô-bốt vào giáo dục phổ thông; đồng thời có cơ chế đột phá phát triển các đại học quốc gia, cơ sở giáo dục đại học xuất sắc và các chương trình nghiên cứu công nghệ chiến lược, tạo nền tảng nhân lực cho phát triển dài hạn.

Đất nước đã hội tụ đủ thế và lực, đủ ý chí và quyết tâm

Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ rõ, chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội; tiếp tục bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; đồng thời phát triển công nghiệp văn hóa với trọng tâm là điện ảnh, du lịch văn hóa và nghệ thuật biểu diễn, coi đây là một mũi nhọn kinh tế mới; triển khai hiệu quả các giải pháp đột phá về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết 72 của Bộ Chính trị; phấn đấu hoàn thành trên 110 nghìn căn nhà ở xã hội trong năm 2026, về đích sớm mục tiêu 1 triệu căn vào năm 2028; hoàn thành 248 trường liên cấp tại các xã biên giới.

Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tập trung nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan; đẩy nhanh xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, bất động sản, góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên và phát triển thị trường minh bạch; xử lý căn cơ ô nhiễm môi trường, nhất là tại các đô thị lớn; triển khai hiệu quả các chương trình thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phòng, chống lũ lụt, sạt lở, khô hạn tại miền Trung, Tây Nguyên và miền Bắc; khai thác hiệu quả tài nguyên đất hiếm, phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mới gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Vận hội mới đang mở ra, nhưng thời cơ chỉ trở thành hiện thực bằng nỗ lực và hành động

Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước; tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, thế trận phòng thủ quân khu, khu vực vững chắc; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại, nâng cao sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang; bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị trọng đại, nhất là Đại hội lần thứ XIV của Đảng và bầu cử Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; tăng cường bảo vệ bí mật nhà

nước, đặc biệt trên không gian mạng và trong chuyển đổi số; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, kết hợp chặt chẽ quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế; chuẩn bị tốt để tổ chức thành công Hội nghị APEC 2027; tiếp tục làm tốt công tác bảo hộ công dân, thúc đẩy ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân, ngoại giao khoa học và công nghệ...

Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, những năm qua, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thực tiễn chứng minh, càng khó khăn, ý chí, bản lĩnh và tinh thần đoàn kết của dân tộc ta càng được tôi luyện và phát huy. Đến thời điểm này, đất nước đã hội tụ đủ thế và lực, đủ ý chí và quyết tâm để bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.

Nguồn: baohinhphu.vn

SẮP XẾP, TÍNH GỌN CÁC HỘI QUẦN CHÚNG

Ngày 05/01/2026, Bộ Chính trị, Ban Bí thư vừa ban hành Kết luận số 230-KL/TW, về Đề án sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và Đề án đánh giá mô hình hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Theo đó, tại phiên họp ngày 28/11/2025, sau khi nghe Ban Thường vụ Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương báo cáo về Đề án sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và Đề án đánh giá mô hình hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất với Tờ trình số 03-TTr/ĐUMTTQ, CĐTTW, ngày 25/11/2025 của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương về Đề án sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và Đề án đánh giá mô hình hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Thống nhất danh sách 29 hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc diện Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, không có chức năng quản lý nhà nước. Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đối với 2 tổ chức này theo đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Thống nhất thực hiện cơ chế Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hội trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được Đảng, Nhà nước giao.

4. Giao Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương:

- Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, rà soát tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong của các hội; rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức, các pháp nhân trực thuộc, chỉ giữ lại những tổ chức pháp nhân trực thuộc có chức năng phù hợp, cần thiết, hoạt động hiệu quả, đúng tôn chỉ, mục đích của hội; giải quyết các vấn đề về nhà đất, tài chính và tài sản của các hội bảo đảm hoạt

động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, đúng mục đích (*hoàn thành trong quý II/2026*). Việc thực hiện phải bảo đảm thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng về công tác vận động quần chúng, tập hợp, đoàn kết các giai tầng trong xã hội vì mục tiêu phát triển đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân; các hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí, không vì mục tiêu lợi nhuận; tuân thủ pháp luật, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan có liên quan tham mưu Bộ Chính trị tổng kết Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 28/8/2012 về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan liên quan thống nhất phương án sắp xếp tổ chức đảng tại các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương phù hợp với mô hình tổ chức sau khi sắp xếp các tổ chức hội; tham mưu trình Ban Bí thư sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 118-QĐ/TW, ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư (*hoàn thành trong quý II/2026*).

- Khẩn trương hoàn thiện Đề án sắp xếp, tinh gọn báo chí của các hội phù hợp với mô hình tổ chức mới sau sắp xếp; trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư sau Đại hội XIV của Đảng.

5. Giao Ban Tổ chức Trung ương sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan để bảo đảm độ tuổi phù hợp của cán bộ giữ chức danh chủ tịch hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

6. Giao Đảng ủy Chính phủ rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định về tổ chức và hoạt động của hội quần chúng đồng bộ với việc sắp xếp các hội theo Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành liên quan (*hoàn thành trong quý II/2026*).

7. Các cấp ủy địa phương căn cứ nhu cầu, đặc điểm, tình hình thực tiễn để quyết định danh sách các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn; ưu tiên các hội trong danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc các cấp ủy, cơ quan, đơn vị thực hiện Kết luận này bảo đảm yêu cầu và tiến độ đề ra.

Danh sách 29 hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, gồm:

- 1- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
- 2- Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
- 3- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
- 4- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- 5- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
- 6- Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

- 7- Hội Nhà báo Việt Nam
- 8- Hội Nhà văn Việt Nam
- 9- Hội Luật gia Việt Nam
- 10- Liên đoàn Luật sư Việt Nam
- 11- Hội Người cao tuổi Việt Nam
- 12- Hội Cựu Công an nhân dân Việt Nam
- 13- Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
- 14- Hội Khuyến học Việt Nam
- 15- Hội Người mù Việt Nam
- 16- Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam
- 17- Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
- 18- Hội Đông Y Việt Nam
- 19- Tổng hội Y học Việt Nam
- 20- Hội Kiến trúc sư Việt Nam
- 21- Hội Mỹ thuật Việt Nam
- 22- Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam
- 23- Hội Nhạc sĩ Việt Nam
- 24- Hội Khoa học lịch sử Việt Nam
- 25- Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam
- 26- Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
- 27- Hội Điện ảnh Việt Nam
- 28- Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam
- 29- Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

CÁCH MẠNG TINH GỌN BỘ MÁY, VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP: DẤU ẤN CẢI CÁCH LỊCH SỬ

Năm 2025 đi vào lịch sử cải cách hành chính nhà nước như một dấu mốc đặc biệt quan trọng, khi Việt Nam triển khai đồng thời cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy với quy mô lớn nhất từ trước đến nay và lần đầu tiên vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp trên phạm vi toàn quốc.

Cuộc cải cách này không chỉ được đánh dấu bằng quy mô sắp xếp rất lớn, tốc độ triển khai nhanh, mà còn bằng việc bộ máy mới đi vào vận hành ổn định, thông suốt ngay từ đầu, không để xảy ra khoảng trống quản lý, không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

Những kết quả đạt được không chỉ thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, mà còn đặt nền tảng quan trọng cho đổi mới quản trị quốc gia, phân cấp, phân quyền và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Quy mô, tốc độ và mức độ chưa từng có tiền lệ

Cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy được khởi động mạnh mẽ từ tháng 11/2024 và được triển khai liên tục, xuyên suốt trong năm 2025. Chỉ trong vòng chưa đầy 4 tháng, đến ngày 01/3/2025, toàn bộ việc sắp xếp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan ở Trung ương đã hoàn thành.

Ở cấp Trung ương, sau sắp xếp, cả nước còn 14 bộ, 3 cơ quan ngang bộ (giảm 5 bộ, cơ quan ngang bộ, tương ứng giảm 22,7%) và 5 cơ quan thuộc Chính phủ (giảm 3 cơ quan, tương ứng giảm 37,5%).

Đặc biệt, toàn bộ 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương được xóa bỏ; 509 cục và tổ chức tương đương được tinh giản (giảm 76,2%); 231 vụ và tổ chức tương đương giảm (60,2%); 3.377 chi cục và tương đương chi cục được cắt giảm (93,8%). Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ cấu tổ chức các bộ, ngành giảm 82/224 đơn vị, tương ứng 36,6%.

Ngoài ra, các bộ, ngành đang tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc theo chủ trương tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và chỉ đạo, định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Những con số này cho thấy mức độ tinh gọn chưa từng có trong lịch sử cải cách bộ máy hành chính. Quan trọng hơn, cùng với việc giảm đầu mối trung gian, chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành Trung ương được xác định lại rõ hơn theo hướng tập trung vào xây dựng thể chế, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển và tăng cường kiểm tra, giám sát, phù hợp với mô hình Chính phủ kiến tạo phát triển.

Sắp xếp đơn vị hành chính – tạo lập không gian phát triển mới

Cùng với tinh gọn tổ chức bộ máy là cuộc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp có quy mô lớn nhất kể từ khi thành lập nước. Cả nước hình thành 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh (giảm 29 tỉnh, thành phố) và 3.321 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 6.714 đơn vị, tương ứng 66,91%); kết thúc hoạt động của 696 đơn vị hành chính cấp huyện.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính không chỉ nhằm tinh giản bộ máy, tiết kiệm nguồn lực, mà quan trọng hơn là tạo lập không gian phát triển mới, mở rộng quy mô địa bàn, tăng khả năng liên kết vùng, liên kết đô thị – nông thôn và nâng cao năng lực cạnh tranh của các địa phương trong giai đoạn phát triển mới.

Cùng với đó, hệ thống cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được sắp xếp, kiện toàn mạnh mẽ. Tính từ đầu năm đến ngày 15/12/2025, các địa phương đã giảm 709 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (giảm 60,3%) và giảm 8.289 cơ quan chuyên môn cấp huyện

(100%). Đồng thời, 467 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 9.916 phòng chuyên môn cấp xã được thành lập theo mô hình mới và nhanh chóng đi vào hoạt động.

Việc giảm mạnh số lượng đơn vị hành chính và đầu mối tổ chức không chỉ góp phần tinh giản biên chế, tiết kiệm ngân sách, mà quan trọng hơn là tạo lập không gian phát triển mới, mở rộng quy mô địa bàn, tăng khả năng liên kết vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của các địa phương.

Vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp: Thay đổi căn bản phương thức quản trị

Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương hai cấp chính thức được vận hành đồng bộ trên phạm vi toàn quốc. Đây là bước ngoặt quan trọng trong tổ chức chính quyền địa phương, thể hiện rõ tư duy đổi mới quản trị nhà nước theo hướng tinh gọn cấp trung gian, tăng tính trực tiếp, gần dân và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Trong mô hình mới, thẩm quyền được phân định lại theo hướng rõ ràng, thực chất, tăng mạnh quyền tự chủ cho chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã – nơi trực tiếp giải quyết phần lớn công việc liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Cụ thể, trong 1.377 nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, có 949 nhiệm vụ (68,9%) được giao cho chính quyền địa phương; trong đó 870 nhiệm vụ cho cấp tỉnh, 79 nhiệm vụ cho cấp xã. Đối với 1.164 nhiệm vụ được phân định thẩm quyền, có 859 nhiệm vụ (73,8%) chuyển cho cấp xã; 188 nhiệm vụ (16,2%) chuyển cho cấp tỉnh; 117 nhiệm vụ (10%) được chuyển sang cấp khu vực hoặc cắt bỏ khi kết thúc hoạt động của cấp huyện.

Tỉ lệ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tăng lên 56%, trong khi tỉ lệ thuộc thẩm quyền Trung ương giảm còn 44%, tăng khoảng 23% so với thời điểm trước ngày 01/7/2025. Đây là bước tiến rất rõ trong phân cấp, phân quyền, tạo điều kiện để chính quyền địa phương chủ động hơn trong quản lý và phát triển kinh tế – xã hội.

Hoàn thiện thể chế với khối lượng và tốc độ rất lớn

Để bảo đảm mô hình mới vận hành ổn định, thông suốt, công tác hoàn thiện thể chế được triển khai với khối lượng và tốc độ chưa từng có. Chỉ riêng trong tháng 6/2025, Quốc hội đã thông qua 33 luật và 34 nghị quyết; tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV tiếp tục thông qua 51 luật và 39 nghị quyết.

Từ ngày 01/6 đến 30/12/2025, Chính phủ đã ban hành trên 280 nghị định, nghị quyết, trong đó hơn 180 văn bản liên quan trực tiếp đến tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; 30 nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Thủ tướng Chính phủ ban hành gần 30 quyết định, các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành 315 thông tư hướng dẫn.

Khối lượng văn bản lớn được ban hành trong thời gian ngắn đã tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm không để xảy ra "khoảng trống quản lý" khi chuyển sang mô hình mới.

Đổi mới công vụ và bảo đảm điều kiện vận hành

Cùng với tổ chức bộ máy, công tác cán bộ được triển khai đồng bộ, thận trọng và bài bản. Các địa phương đã điều động, biệt phái gần 4.000 cán bộ, công chức, viên chức tăng cường cho cấp xã; tổ chức hàng nghìn lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ. Chính sách đối với cán bộ bị tác động được thực hiện kịp thời, góp phần giữ vững ổn định tư tưởng và kỷ cương công vụ.

Về điều kiện bảo đảm, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc được tăng cường đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình mới. Chính phủ quan tâm bố trí nguồn lực, cấp kinh phí mua sắm, cải tạo cơ sở vật chất. Các địa phương đã khẩn trương rà soát, sắp xếp và nâng cấp trụ sở làm việc; bố trí không gian trụ sở làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

Đến nay, 100% đơn vị hành chính cấp xã đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị thiết yếu. Đặc biệt, việc đầu tư hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hệ thống phần mềm quản lý, chữ ký số, định danh điện tử được thực hiện đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, giúp rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, tăng tính minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Cải cách hành chính, chuyển đổi số - lực đẩy quan trọng

Cùng với sắp xếp bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số được đẩy mạnh. Cả nước đã cắt giảm, đơn giản hóa 20,5% quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

Đến cuối năm 2025, Công Dịch vụ công quốc gia đã tích hợp hơn 3.300 thủ tục hành chính từ 34 tỉnh, thành phố, trở thành điểm “một cửa số” quốc gia, giúp người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu, nộp hồ sơ và theo dõi kết quả trực tuyến một cách thuận tiện, minh bạch, không phụ thuộc không gian và thời gian.

Cả nước có 3.139 Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, góp phần đưa dịch vụ hành chính công đến gần hơn với người dân, tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước.

Từ ngày 01/7 đến tháng 12/2025, các địa phương xử lý hơn 90% hồ sơ trực tuyến; 1.100/1.650 bệnh viện triển khai bệnh án điện tử; trên 33 nghìn tỷ đồng chi trả an sinh xã hội được thực hiện qua tài khoản; hơn 177 tỷ đồng cứu trợ thiên tai được thực hiện nhanh chóng qua VNeID.

Có thể khẳng định, năm 2025 đã tạo dấu mốc quan trọng trong cải cách nền hành chính nhà nước, phản ánh rõ quy mô, mức độ và hiệu quả của cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương hai cấp.

Bước sang năm 2026 - năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 - một bộ máy tinh gọn hơn, vận hành thông suốt hơn sẽ là điều kiện quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Trên nền tảng đó, cải cách bộ máy và đổi mới quản trị tiếp tục giữ vai trò then chốt trong xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, thực sự phục vụ Nhân dân.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TIẾP TỤC RÀ SOÁT, TINH GỌN TỔ CHỨC BÊN TRONG BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Ngày 08/01/2026, Chính phủ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2025, triển khai công tác năm 2026 của Chính phủ và chính quyền địa phương.

Theo báo cáo của Bộ Nội vụ gửi tới Hội nghị, công tác cải cách hành chính đã đạt được nhiều kết quả tích cực, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, một số kết quả nổi bật, như: Cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06.

Đáng chú ý, về tinh giản biên chế, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2025/NĐCP ngày 15/6/2025 quy định về tinh giản biên chế, tạo điều kiện cho việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Nghị định đã quy định chi tiết và mở rộng đối tượng, trường hợp tinh giản biên chế, đồng thời làm rõ các nguyên tắc và chính sách tinh giản biên chế, gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Bộ Nội vụ đang phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét quyết định về vị trí việc làm, biên chế; đáp ứng mục tiêu tinh giản biên chế, yêu cầu nhiệm vụ của vị trí việc làm và phù hợp với tình hình thực tiễn tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối với cải cách công vụ, về thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) được triển khai kịp thời, minh bạch, đến nay đã hoàn tất, không còn tồn đọng.

Theo báo cáo, cả nước có 146.839 người đã có quyết định nghỉ việc; trong đó: Trung ương: 47.913 người, chiếm tỉ lệ 32,63%; địa phương: 98.926 người, chiếm tỉ lệ 67,37%; số người hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi là 71.610 người, chiếm tỉ lệ 48,77%; số người hưởng chính sách thôi việc là 75.237 người, chiếm tỉ lệ 51,23%. Đến nay, 100% các đối tượng đã nhận được tiền chi trả. Việc giải quyết chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức sau sắp xếp được triển khai nghiêm túc, bước đầu gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức.

Về chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành nhiều Nghị định quan trọng về quản lý lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội.

Theo đó, đã thể chế hóa đầy đủ 5 nội dung dự kiến thực hiện ngay từ năm 2021 nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW; tăng cường chủ động cho doanh nghiệp trong việc quản lý lao động, tiền lương gắn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hướng đến bảo đảm mặt bằng tiền lương thị trường, thu hút, khuyến khích lao động trình độ cao.

Bộ Nội vụ ban hành 3 thông tư về tiền lương khu vực sản xuất, kinh doanh và Công văn trả lời kiến nghị liên quan đến đề xuất ban hành chính sách tiền lương, phụ cấp phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức sau sáp nhập đơn vị hành chính do khối lượng công việc nhiều; công văn hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ tiền thưởng. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị...

Tuy nhiên, Bộ Nội vụ cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế như: Tổ chức bộ máy và nhân sự ở một số địa phương sau sáp nhập vẫn còn gặp khó khăn, một số địa phương bố trí công chức không phù hợp với năng lực chuyên môn; việc bố trí công chức chưa phù hợp với quy mô, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính đặc thù của từng địa phương.

Ti lệ hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ trên Cổng dịch vụ công thấp. Một số cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (như: đất đai, xây dựng, hộ tịch...) nhiều nơi còn chậm được hoàn thành, đưa vào vận hành hoặc chưa đáp ứng dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính...

Đề xuất điều chỉnh tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

Một nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong của các bộ, cơ quan Trung ương, các sở, ngành ở địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước. Quan tâm giải quyết ngay những vấn đề như cơ sở vật chất, trang thiết bị ở xã còn khó khăn; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Kết luận số 192-KL/TW ngày 19/9/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Cùng với đó, thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước, sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị theo đúng chỉ đạo tại Văn bản số 59-CV/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 130/KHBCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 về Kế hoạch sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

Tập trung triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Viên chức năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục tham mưu Chính phủ ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo các quy định mới của Bộ Chính trị để địa phương có cơ sở thống nhất trong thực hiện.

Các địa phương khẩn trương kiện toàn vị trí cán bộ, công chức còn thiếu, bảo đảm số lượng, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cán bộ, bảo đảm bộ máy chính quyền 2 cấp vận hành thông suốt, hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bộ Nội vụ đôn đốc, kiểm tra việc rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đúng vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đề xuất điều chỉnh tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang sau sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; xây dựng và hoàn thiện Nghị định quy định về vị trí việc làm công chức.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

Bộ Nội vụ vừa ban hành công văn gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai chính thức Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ kể từ ngày 01/01/2026

Theo Bộ Nội vụ, việc triển khai hệ thống nhằm thực hiện các chủ trương, yêu cầu của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm thời gian qua, Bộ quyết định đưa hệ thống vào vận hành chính thức, đồng thời xác định lộ trình triển khai theo từng giai đoạn để bảo đảm ổn định, thông suốt.

85 thủ tục nội vụ được giải quyết trên hệ thống mới

Giai đoạn 1, bắt đầu từ 01/01/2026, áp dụng đối với 85 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, được thực hiện tại cấp tỉnh và cấp xã. Danh mục các thủ tục này đã được điều hướng về hệ thống theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và được Bộ Nội vụ công bố kèm theo công văn.

Giai đoạn 2, dự kiến thực hiện đến tháng 3/2026, hệ thống sẽ tiếp tục được mở rộng để triển khai đối với các thủ tục hành chính còn lại thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Trong thời gian chuyển tiếp, những thủ tục hành chính chưa điều hướng về hệ thống mới vẫn được tiếp nhận, giải quyết tại hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương, đồng thời thực hiện thử nghiệm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ cho đến khi hoàn thành điều hướng 100% thủ tục.

Cách thức người dân và cán bộ thực hiện

Theo hướng dẫn, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thuộc danh mục nêu trên sẽ nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ

<https://dichvucong.gov.vn>. Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy trình điện tử, bảo đảm thống nhất, công khai và minh bạch.

Đối với cán bộ, công chức tham gia tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương (Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan), việc xử lý hồ sơ được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nội vụ tại địa chỉ <https://motcua.moha.gov.vn>. Cán bộ đăng nhập hệ thống bằng tài khoản định danh điện tử VNeID để thực hiện các thao tác nghiệp vụ theo phân quyền.

Bộ Nội vụ cho biết, tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống đã được cung cấp kèm theo mã QR, nhằm hỗ trợ cán bộ địa phương nhanh chóng làm quen và sử dụng thành thạo trong quá trình triển khai.

Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền rộng rãi đến người dân, doanh nghiệp về việc triển khai hệ thống và cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức mới.

Đồng thời, các địa phương cần bố trí cán bộ trực tiếp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên hệ thống, bảo đảm không để gián đoạn hoạt động giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian chuyển đổi.

Cùng với đó, cán bộ quản trị hệ thống của địa phương được yêu cầu phối hợp với VNPT để rà soát, cấu hình các nội dung kỹ thuật cần thiết, như danh mục đơn vị, tài khoản thu phí, lệ phí, tài khoản cán bộ xử lý hồ sơ. Bộ Nội vụ cũng đề nghị các địa phương rà soát, đối chiếu và xác nhận danh sách tài khoản thụ hưởng theo hướng dẫn, gửi kết quả về Bộ để tổng hợp.

Kết nối, tích hợp với các hệ thống phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương

Theo công văn, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nội vụ có khả năng kết nối, tích hợp với các hệ thống phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương, như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hóa đơn điện tử, dịch vụ tin nhắn SMS. Đây là các tiện ích hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả xử lý hồ sơ và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Để triển khai việc kết nối, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo đầu mối liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về các hệ thống đang sử dụng tại địa phương cho Bộ và đơn vị kỹ thuật phối hợp triển khai. Kinh phí sử dụng các tiện ích như hóa đơn điện tử, dịch vụ SMS do địa phương chi trả; Bộ Nội vụ hỗ trợ về mặt kỹ thuật trong quá trình tích hợp.

Việc đưa 85 thủ tục nội vụ lên giải quyết trên hệ thống mới từ đầu năm 2026 được xác định là bước triển khai đầu tiên, làm cơ sở để tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng, hướng tới mục tiêu giải quyết thủ tục hành chính tập trung, thống nhất và thuận tiện hơn cho người dân, doanh nghiệp trên phạm vi cả nước.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH 5 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC VIỆC LÀM

Bộ Nội vụ vừa ban hành Quyết định số 4/QĐ-BNV về việc công bố 5 thủ tục hành chính mới và bãi bỏ các thủ tục cũ trong lĩnh vực việc làm.

Theo đó, Quyết định số 4/QĐ-BNV ban hành 5 thủ tục hành chính mới ở cấp tỉnh, bao gồm: Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm; cấp lại Giấy phép hoạt động; gia hạn Giấy phép hoạt động; thu hồi Giấy phép hoạt động; rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp.

Tất cả các thủ tục này đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được quy định đủ điều kiện để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

Đồng thời, Quyết định cũng chính thức bãi bỏ 5 thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố trước đây theo Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/04/2025. Việc thay thế này nhằm đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo và cập nhật các quy định phù hợp với Luật Việc làm năm 2025 và Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về dịch vụ việc làm.

Để đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm, doanh nghiệp phải có trụ sở chính, chi nhánh của doanh nghiệp hoặc được doanh nghiệp thuê theo hợp đồng để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm còn thời hạn tối thiểu 02 năm (24 tháng) tính đến thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Đã ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm là người không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; có trình độ từ đại học trở lên hoặc có ít nhất 02 năm (24 tháng) kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động. Thời hạn giải quyết cho việc cấp mới giấy phép là 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Việc chuẩn hóa và công khai bộ thủ tục hành chính mới này được kỳ vọng sẽ giúp đơn giản hóa quy trình, giảm chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần phát triển một thị trường lao động năng động, minh bạch và hiệu quả hơn.

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

LIÊN THÔNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Ngày 07/01/2026, tại trụ sở Cục Thuế diễn ra lễ ký Quy chế phối hợp về trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai giữa Cục Thuế và Cục Quản lý đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Phát biểu tại sự kiện, Phó Cục trưởng Cục Thuế Mai Sơn cho biết, việc ký Quy chế phối hợp về trao đổi thông tin theo hình thức điện tử (Quy chế) là bước tiến lớn, thực hiện quyết tâm chung của hai ngành trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý nhà nước theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ.

Tại buổi lễ, Phó Cục trưởng Cục Quản lý đất đai Mai Văn Phần nhấn mạnh, việc ký kết Quy chế phối hợp là kết quả của quá trình phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc và trách nhiệm giữa Cục Thuế với Cục Quản lý đất đai và các đơn vị liên quan.

Trên cơ sở Luật Quản lý thuế, Luật Đất đai và các chỉ đạo của Chính phủ, từ năm 2015, hai ngành đã từng bước triển khai trao đổi thông tin điện tử trong xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân.

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật Đất đai, từ năm 2015, Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) và Tổng cục đất đai (nay là Cục quản lý đất đai) đã phối hợp xây dựng quy chế phối hợp mẫu số 1955/QCPH-TCT-TCQLĐĐ quy định phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của hộ gia đình, cá nhân giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai.

Đến nay, đã có 325/350 Thuế cơ sở thực hiện trao đổi thông tin điện tử với cơ quan Nông nghiệp và Môi trường, tương đương với 33/34 Thuế tỉnh, thành phố; có 25 Thuế cơ sở dự kiến hoàn thành liên thông điện tử trong Quý 1/2026.

Số lượng hồ sơ, thủ tục hành chính liên thông về đất đai của hộ gia đình, cá nhân luân chuyển theo phương thức điện tử trong năm 2025 đạt 70% (3.727.702 hồ sơ điện tử/5.336.413 hồ sơ liên thông), tăng 7% so năm 2024. Trong đó 6 tháng cuối năm 2025, tỷ lệ hồ sơ liên thông điện tử đạt 76% và riêng trong tháng 12/2025, tỷ lệ hồ sơ điện tử đạt 83%.

Theo Phó Cục trưởng Cục Thuế Mai Sơn, việc triển khai liên thông điện tử góp phần giảm thời gian luân chuyển hồ sơ, tăng tính chính xác trong xử lý dữ liệu và minh bạch thời gian xử lý hồ sơ, đặc biệt mang lại hiệu quả trong công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp như hiện nay.

Thời gian qua, Cục Thuế đã phối hợp Cục Quản lý đất đai và các đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, đổi mới phương thức trao đổi điện tử, mở rộng phạm vi hồ sơ, dữ liệu trao đổi nhằm phục vụ công tác xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai.

Việc hoàn thiện Quy chế sẽ tối ưu quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, tái sử dụng dữ liệu số hóa, nâng cao hiệu quả xử lý hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, đáp ứng mục tiêu vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ.

Việc ký kết Quy chế phối hợp trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai là dấu mốc quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị cao và sự đồng

thuận mạnh mẽ giữa Cục Thuế và Cục Quản lý đất đai trong việc tăng cường phối hợp liên ngành, đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính.

Sau khi Quy chế được ban hành, hai cơ quan sẽ khẩn trương tiến hành triển khai ngay các nội dung đã được quy định tại Quy chế đến các cơ quan thuế, các cơ quan đăng ký đất đai tại địa phương để Quy chế phát huy được hiệu quả cao, mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội.

Các đơn vị đầu mối của Cục Thuế có trách nhiệm phối hợp đơn vị đầu mối của Cục Quản lý đất đai nhằm bảo đảm kết nối truyền nhận, khai thác dữ liệu và xử lý kịp thời khi có sự cố hệ thống. Đồng thời, đối soát thông tin kịp thời, chính xác và bảo mật nội dung thông tin theo quy định của pháp luật, tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: nhandan.vn

SỔ SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ TRÊN VNeID CHÍNH THỨC THAY THẾ SỔ GIẤY TRONG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ngày 06/01/2026, Bộ Y tế ban hành quyết định về việc công bố dữ liệu, hướng dẫn khai thác, sử dụng dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID thay thế sổ giấy trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo quyết định này, toàn bộ dữ liệu đã được liên thông, ký số và hiển thị trên ứng dụng VNeID sẽ đủ điều kiện sử dụng trong hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

Bộ Y tế nhấn mạnh các cơ sở khám chữa bệnh, cũng như cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, không được yêu cầu cung cấp bản giấy nếu dữ liệu sức khỏe đã được tích hợp đầy đủ trên VNeID.

Theo quyết định, dữ liệu trong Sổ sức khỏe điện tử VNeID bao gồm bốn nhóm thông tin lớn.

Thứ nhất là thông tin hành chính, như họ tên, ngày sinh, giới tính, số định danh cá nhân, thẻ bảo hiểm y tế, nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu và địa chỉ cư trú.

Thứ hai là tiền sử y tế, gồm tiền sử dị ứng, bệnh tật, tiêm chủng với đầy đủ thông tin về loại vắc xin, số mũi, thời gian và nơi tiêm.

Thứ ba là thông tin từng đợt khám, chữa bệnh, từ thời điểm tiếp nhận, chẩn đoán, kết quả điều trị đến các chỉ số lâm sàng, kết quả xét nghiệm, thuốc đã sử dụng, phẫu thuật hay thủ thuật đã thực hiện.

Cuối cùng là tóm tắt hồ sơ bệnh án, bao gồm diễn biến bệnh, phương pháp điều trị, hướng điều trị tiếp theo, đơn thuốc, lịch tái khám và thông tin bác sĩ điều trị.

Tất cả dữ liệu này đều được liên thông, ký số và bảo đảm giá trị pháp lý khi sử dụng trong các thủ tục hành chính.

Người dân được quyền truy cập và tải dữ liệu

Bộ Y tế cũng nêu rõ người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp được quyền truy cập, tải về bản ghi chi tiết từng đợt khám chữa bệnh dưới dạng PDF ngay trên ứng dụng VNeID. Quyền

này nhằm bảo đảm nguyên tắc minh bạch, quyền được biết, được chỉnh sửa thông tin cá nhân theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Bộ Y tế khẳng định việc khai thác và chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo mật, an toàn thông tin và quyền riêng tư, không làm ảnh hưởng đến dữ liệu cá nhân của người dân.

Các bộ, ngành, cơ sở y tế cần thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID

Bộ Y tế cũng đề nghị các bộ, ngành, địa phương và cơ sở khám, chữa bệnh rà soát thủ tục hành chính, điều chỉnh hệ thống thông tin và thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

Ông Hà Anh Đức, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế cho biết, đây là bước tiến trong cải cách hành chính và liên thông dữ liệu, cho phép công bố, khai thác và sử dụng dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID để thay thế các giấy tờ y tế có giá trị tương đương trong hồ sơ thủ tục hành chính, khi dữ liệu đã được liên thông, tích hợp và hiển thị đầy đủ.

Trước đó, Bộ Y tế đã có Quyết định số 4048/QĐ-BYT ngày 31/12/2025 về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung của Bộ Y tế, trong đó hoàn thành nội dung kế hoạch triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID.

Hiện nay, các đơn vị đang tập trung đẩy mạnh các nội dung liên quan việc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc; việc công bố dữ liệu và hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID thay thế sổ giấy trong giải quyết thủ tục hành chính có liên quan của các cơ quan, đơn vị.

Nguồn: tuoitre.vn

NGƯỜI DÂN CÓ THỂ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN QUA VNEID

Chính phủ ban hành Nghị định số 367/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

Nghị định nhằm tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả tổ chức và vận hành cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, minh bạch.

Theo quy định mới, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính là nền tảng thống nhất của bộ, ngành, địa phương, có chức năng tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị; kết nối, tích

hợp, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia để cung cấp và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Sửa đổi quy định liên quan đến tổ chức Bộ phận Một cửa tại các địa phương

Nghị định số 367/2025/NĐ-CP sửa đổi quy định liên quan đến tổ chức Bộ phận Một cửa tại các địa phương theo hướng Ủy ban nhân dân thành phố không quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp mà trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Cụ thể, tại các thành phố trực thuộc trung ương, trên cơ sở xem xét đặc thù về quản lý dân cư, tổ chức đời sống dân cư đô thị, đánh giá mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp) và quyết định số lượng chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi địa phương.

Trường hợp không lựa chọn mô hình này, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo quy định.

Tương tự, đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Không tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tại các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Quy định mới về người làm việc tại Bộ phận Một cửa

Về quy định người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Nghị định 367/2025/NĐ-CP sửa đổi: Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, gồm 01 Giám đốc tương đương Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc do Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiêm nhiệm; không quá 03 Phó Giám đốc tương đương Trưởng phòng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Giám đốc Trung tâm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Đồng thời, Nghị định 367/2025/NĐ-CP bổ sung quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thành lập phòng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với tiêu chí thành lập phòng thuộc chi cục thuộc sở theo quy định của pháp luật.

Đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lãnh đạo Trung tâm gồm 1 Giám đốc tương đương Giám đốc sở; các Phó Giám đốc tương đương Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, giúp Giám đốc Trung tâm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về thực

hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của Chính phủ về số lượng cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã gồm Giám đốc tương đương Trưởng phòng; Phó Giám đốc tương đương Phó Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Bổ sung cách thức nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ứng dụng định danh quốc gia

Theo khoản 18, Điều 3 Luật Căn cước, Ứng dụng định danh quốc gia là ứng dụng trên thiết bị số để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử, phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Về cách thức tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định 118/2025/NĐ-CP quy định 3 cách thức gồm: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Ngoài các cách thức nêu trên, Nghị định số 367/2025/NĐ-CP bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến tại Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

Bổ sung hợp phần cấu thành Cổng Dịch vụ công quốc gia

Về hợp phần cấu thành Cổng Dịch vụ công quốc gia, Nghị định 367/2025/NĐ-CP bổ sung 1 hợp phần là Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính.

Như vậy, các hợp phần cấu thành Cổng Dịch vụ công quốc gia bao gồm: 1- Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; 2- Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; 3- Hệ thống trao đổi định danh, xác thực điện tử của Cổng Dịch vụ công quốc gia; 4- Hệ thống thanh toán trực tuyến; 5- Hệ thống đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương; 6- Hệ thống hỗ trợ giải đáp những vấn đề thường gặp trong giải quyết thủ tục hành chính; 7- Giao diện Cổng Dịch vụ công quốc gia; 8- Hệ thống quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia; 9- Nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức; cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; 10- Nền tảng phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đánh giá tình hình giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương; 11- Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính; 12- Các hợp phần khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định 367/2025/NĐ-CP cũng bổ sung quy định: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương không thực hiện tiếp nhận và giải quyết đối với các thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành. Trong trường hợp này, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết các thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

Nguồn: hanoimoi.vn

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06: CHUYỂN BIẾN TOÀN DIỆN, TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC

Theo Báo cáo của Bộ Công an, sau hơn 4 năm triển khai thực hiện, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06) được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, với sự vào cuộc đồng bộ của các bộ, ngành, địa phương.

Việc triển khai Đề án đã đạt chuyển biến toàn diện trên 5 trụ cột lớn gồm: thể chế, dữ liệu, hạ tầng công nghệ, dịch vụ công và nhận thức xã hội. Đến nay, 5 nhóm tiện ích cốt lõi của Đề án cơ bản hoàn thành, trong đó 3 chỉ tiêu vượt tiến độ Thủ tướng Chính phủ giao.

Xây dựng dữ liệu dân cư - nền tảng số quốc gia

Điểm nhấn quan trọng nhất của Đề án 06 là việc xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, gắn với căn cước công dân gắn chip và định danh điện tử, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”. Đây được xác định là nền tảng dữ liệu dùng chung, phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đồng thời tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương.

Trên cơ sở đó, hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình được mở rộng mạnh mẽ, góp phần giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, tiết kiệm chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Nhiều mô hình, cách làm sáng tạo được triển khai tại các địa phương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bình Dương... đã phát huy hiệu quả rõ rệt, tạo sức lan tỏa trong cả nước.

Trong quá trình triển khai Đề án 06, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã duy trì công tác chỉ đạo, điều hành thường xuyên, liên tục, thông qua hàng chục hội nghị, nghị quyết, công điện, kết luận chỉ đạo. Nhờ đó, nhiều “điểm nghẽn” về thể chế, pháp lý, dữ liệu và hạ tầng công nghệ đã được kịp thời tháo gỡ, tạo điều kiện thúc đẩy tiến độ triển khai trên thực tế.

Hạ tầng công nghệ và hệ thống thông tin từng bước hoàn thiện: Kết quả khảo sát 2.822 hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tại các tỉnh, thành phố cho thấy 92 hệ thống (68,1%) đang

hoạt động ổn định, sử dụng hiệu quả; 466 hệ thống (16,5%) cần nâng cấp, hoàn thiện: 434 hệ thống (15,4%) có nhu cầu xây dựng mới

Đến nay, 100% địa phương đã triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, bảo đảm kết nối với các hệ thống thông tin quốc gia. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai tại 34 tỉnh, thành phố.

Bên cạnh đó, an ninh, an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu được xác định là một trong những điểm trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả triển khai Đề án 06. Qua kiểm tra, đánh giá cho thấy: 100% (34/34) địa phương đã xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin; tất cả đều có hệ thống đáp ứng an toàn thông tin cấp độ 3, đủ điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm

Theo lộ trình Đề án 06 và các chỉ tiêu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra đến năm 2025 thì 100% dịch vụ công trực tuyến theo quy định được thực hiện toàn trình: 50% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến: 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử, không xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được gắn số định danh cá nhân; 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp CCCD; 50% thủ tục hành chính, giấy tờ liên quan đến dữ liệu dân cư được cắt giảm.

Việc khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã giúp tiết kiệm cho ngân sách nhà nước khoảng 2.505 tỷ đồng mỗi năm; riêng năm 2025, tổng số tiền tiết kiệm ước đạt 4.184 tỷ đồng.

Thông tin công dân được tái sử dụng từ dữ liệu số hóa, tự động cập nhật vào tờ khai, bảo đảm chính xác, giảm chi phí sao in, hạn chế xác minh thủ công. Người dân giảm đi lại, giảm tiếp xúc trực tiếp, góp phần phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng vặt.

Theo mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP. Việc khai thác dữ liệu dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử được xác định là yếu tố then chốt nhằm hoàn thiện hệ sinh thái ứng dụng số; bảo đảm mọi giao dịch điện tử trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội được xác thực chính xác, an toàn: Tăng cường truy thu thuế, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; 60% người dân được hưởng chính sách an sinh xã hội, trợ cấp qua tài khoản cá nhân

Đến hết năm 2024, tỷ trọng kinh tế số đạt 18,3% GDP; tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP; Thương mại điện tử bán lẻ đạt 25 tỷ USD, tăng khoảng 20%; Việt Nam thuộc Top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử cao nhất thế giới.

Việc triển khai đồng bộ Đề án 06, đặc biệt là ứng dụng căn cước công dân gắn chip và VNeID đã làm thay đổi căn bản phương thức cung cấp dịch vụ công và tương tác số giữa Nhà nước - người dân - doanh nghiệp, hướng tới mô hình “không giấy tờ - không tiếp xúc - không chờ đợi”.

Giá trị kinh tế mang lại ước tính trên lĩnh vực ngân hàng đóng góp khoảng 4.000 tỷ đồng và tỷ trọng tăng thêm của kinh tế số; lĩnh vực y tế đóng góp khoảng 1.175 tỷ đồng; lĩnh vực

giao thông khoảng 8.900 tỷ đồng; lĩnh vực giáo dục- đào tạo đóng góp khoảng 1.600 tỷ đồng; lĩnh vực khoa học - công nghệ - viễn thông đóng góp khoảng 6.200 tỷ đồng; lĩnh vực tài chính thuế khoảng 2.500 tỷ đồng.

Đối với các doanh nghiệp đồng hành, việc triển khai Đề án 06 không chỉ thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia mà còn mở ra không gian thị trường mới cho doanh nghiệp công nghệ Việt Nam. Dữ liệu dân cư, căn cước công dân gắn chip và định danh điện tử VNeID đã trở thành nền tảng quan trọng để hình thành nhiều sản phẩm, dịch vụ số mới, giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu và khẳng định vai trò trong hệ sinh thái kinh tế số...

Từng bước làm chủ các công nghệ lõi

Trong giai đoạn tới, tiến trình chuyển đổi số quốc gia nói chung và triển khai Đề án 06 nói riêng bước sang giai đoạn phát triển mới, toàn diện và sâu rộng hơn, vừa kế thừa kết quả đã đạt được, vừa đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ về tư duy và phương thức chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Đề án 06 cần tập trung thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, phấn đấu đưa Việt Nam vào nhóm 50 quốc gia dẫn đầu về Chính phủ điện tử; kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP; từng bước làm chủ các công nghệ lõi như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, để khoa học – công nghệ thực sự trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu.

Đồng thời, xây dựng xã hội số văn minh, nền quản trị quốc gia hiện đại, vận hành thông suốt trên cơ sở dữ liệu số, bảo đảm Việt Nam là điểm đến an toàn, tin cậy về an ninh dữ liệu trên bản đồ thế giới.

Theo đó, giai đoạn 2026 - 2030 yêu cầu chuyển mạnh từ xây dựng nền tảng sang vận hành đồng bộ, khai thác hiệu quả dữ liệu số, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, trong đó có cơ sở dữ liệu về dân cư, phải trở thành hạ tầng chiến lược, được tích hợp, kết nối, chia sẻ thông suốt với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, cần khẩn trương khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ giữa các hệ thống thông tin, thu hẹp chênh lệch về mức độ chuyển đổi số giữa các vùng, miền, đồng thời bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, hạn chế rủi ro trên môi trường mạng.

Nguồn: vov.vn

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

Bộ Xây dựng vừa trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Theo Bộ Xây dựng, trong quá trình triển khai thực hiện một số Nghị định của Chính phủ có nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý còn một số vấn đề bất cập cần tiếp

tục nghiên cứu sửa đổi để hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định tại các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ.

Do đó, Bộ Xây dựng đã có tờ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Việc ban hành Nghị định nhằm mục đích rà soát, sửa đổi thẩm quyền quản lý Nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng và các cơ quan, đơn vị sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Bên cạnh đó, việc ban hành Nghị định sẽ góp phần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng được giao quản lý, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách và các quy định pháp luật mới được ban hành.

Nghị định bao gồm 27 Chương, 137 Điều, 10 Phụ lục kèm theo, sửa đổi, bổ sung đối với 30 Nghị định về các nội dung quản lý hoạt động xây dựng; quản lý hoạt động hàng hải; quản lý hoạt động bay; quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng; quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; vận tải đa phương thức; điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển; điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng...

Dự thảo Nghị định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm giảm bớt sự can thiệp của cơ quan Nhà nước, tạo sự chủ động, tăng quyền tự quyết của doanh nghiệp và giảm bớt giấy tờ, thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Nghị định sẽ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm giảm bớt sự can thiệp của cơ quan Nhà nước, tạo sự chủ động, tăng quyền tự quyết của doanh nghiệp.

Về phân cấp, dự thảo Nghị định thực hiện phân cấp thẩm quyền đối với 8 thủ tục hành chính, bao gồm: Cấp giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển; Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển; Quyết định dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển; Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển; cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Dự thảo Nghị định thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nguồn: baoxaydung.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP,
ỦY QUYỀN TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Ngày 30/12/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Vũ Đại Thắng ký ban hành Quyết định số 6527/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (đợt 1).

Cụ thể, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Phương án phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định), làm căn cứ để các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong toàn thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố giao giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu và tổ chức thực hiện việc phân cấp, ủy quyền và nhận ủy quyền theo đúng quy định pháp luật và chỉ đạo của thành phố.

Thời hạn thực hiện các quyết định ủy quyền được xác định từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2028. Trước khi hết hạn 60 ngày, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đánh giá tính khả thi, hiệu quả thực tiễn, làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc tiếp tục ủy quyền hoặc chuyển sang thực hiện phân cấp theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị chủ động hoàn thành trong tháng 12/2025 việc ban hành đầy đủ các quyết định ủy quyền; xây dựng và trình ban hành các quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, các quy trình được cấu hình, kiểm thử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố, bảo đảm sẵn sàng vận hành đồng bộ từ đầu năm 2026.

Trong quá trình triển khai, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện các nội dung phân cấp, ủy quyền hiện hành; chủ động phát hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố) những khó khăn, vướng mắc phát sinh để xem xét điều chỉnh phù hợp.

Về tổ chức thực hiện, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố được giao chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trong quá trình triển khai phương án ủy quyền. Sở Nội vụ tham mưu các nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy, biên chế; rà soát, đánh giá nguồn nhân lực, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, nâng cấp hạ tầng, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt. Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

Các sở, ngành thành phố có trách nhiệm rà soát điều kiện tiếp nhận ủy quyền; kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công rõ trách nhiệm; hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và đánh giá hiệu quả của phương án phân cấp, ủy quyền.

Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành thành phố trong việc bảo đảm các điều kiện thực hiện và đánh giá hiệu quả phân cấp, ủy quyền thủ tục hành chính. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nguồn: hanoimoi.vn

HẢI PHÒNG: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TIẾP TỤC LÀ KHÂU ĐỘT PHÁ TRONG NĂM 2026

Ông Lê Ngọc Châu - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng vừa ký ban hành Quyết định số 5256/QĐ-UBND về kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, tạo đột phá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trên địa bàn thành phố; phấn đấu top 3 địa phương dẫn đầu cả nước về cải cách hành chính.

Theo kế hoạch cải cách hành chính việc Hải Phòng đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của bộ máy hành chính nhà nước, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Năm 2026, Hải Phòng đặt mục tiêu tạo chuyển biến rõ nét trong quản lý nhà nước, với các chỉ số quan trọng như Chỉ số PAR Index, Chỉ số chuyển đổi số (DTI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) phấn đấu thuộc nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, hướng tới mục tiêu vào top 3. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và các dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

Thành phố cũng đặt mục tiêu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được theo dõi, cập nhật trạng thái xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch năm 2026 của thành phố được yêu cầu hoàn thành đầy đủ, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

Song song với cải cách hành chính, Hải Phòng phấn đấu vượt chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước năm 2026; thu hút đầu tư tăng so với năm 2025, tạo thêm động lực cho tăng trưởng kinh tế. Để đạt được các mục tiêu đề ra, Thành phố Hải Phòng triển khai đồng bộ 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, gồm: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trong đó, Hải Phòng tập trung đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; giảm tỷ lệ trễ hẹn, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Thành phố tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với thực tiễn, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng.

Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, phẩm chất, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ. Cùng với đó là đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách gắn với kết quả đầu ra, tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hải Phòng cũng đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số và thành phố thông minh; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong cung ứng dịch vụ công, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ xã hội.

Năm 2024, lần đầu Hải Phòng vươn lên dẫn đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) với 74,84 điểm. Trước đó, thành phố có 3 năm liên tiếp (2021 - 2023) thuộc top 5 địa phương có PCI cao nhất cả nước.

Không chỉ PCI, Hải Phòng còn ghi dấu ấn đậm nét ở Chỉ số PAR Index. Năm 2024, thành phố giữ vị trí thứ nhất toàn quốc với 96,17%, tăng 4,3% so với năm 2023. Đây là lần thứ hai thành phố đứng đầu chỉ số này sau năm 2021. Trong suốt 13 năm đánh giá PAR Index, Hải Phòng có 12 năm nằm trong top 5 toàn quốc, trong đó 7 lần xếp hạng nhì. Về Chỉ số SIPAS, đánh giá mức độ hài lòng của người dân với cơ quan hành chính nhà nước, Hải Phòng cũng vươn lên đứng đầu toàn quốc.

Kết thúc năm 2025, thành phố Hải Phòng dẫn đầu cả nước về chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Kết quả này đến từ việc Hải Phòng luôn xác định cải cách hành chính là một trong ba khâu đột phá chiến lược của giai đoạn 2020 - 2025.

Theo ông Lê Ngọc Châu - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, thành phố luôn coi cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, xuyên suốt và là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, nhằm hướng đến xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hiện đại, phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống người dân. Những kết quả đạt được của thành phố là minh chứng cho quá trình cải cách toàn diện, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Nguồn: thoibaokinhtevietnam.vn

SƠN LA: CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỒNG BỘ, HIỆU QUẢ

Với quan điểm “lấy nhân dân và doanh nghiệp làm trung tâm”, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Sơn La tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, từ hoàn thiện thể chế, tăng phân cấp, ủy quyền, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số đến nâng cao

chất lượng giải quyết thủ tục, dễ nhân dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công nhanh, thuận tiện và minh bạch hơn.

Ông Lại Như Long, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, cho biết: Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản siết chặt kỷ luật hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; các quyết định về thành lập Hội đồng thẩm định chỉ số cải cách hành chính, quy chế vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, công bố danh mục thủ tục được cắt giảm bằng dữ liệu điện tử... thể hiện quyết tâm chuẩn hóa quy trình trên toàn hệ thống.

Cùng với đó, tỉnh mở rộng phân cấp, phân quyền để rút ngắn thời gian giải quyết công việc. Những quyết định ủy quyền mới trong lĩnh vực lao động, tôn giáo, hộ tịch, khoa học - công nghệ... giúp tăng tính chủ động của các sở, ngành, tránh tình trạng dồn việc về tỉnh. Việc ban hành các kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 đã gắn cải cách hành chính với mục tiêu phát triển khoa học - công nghệ, đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

Tỉnh cũng tập trung rà soát cải cách hành chính trên diện rộng. Những yêu cầu về cắt giảm hồ sơ, giảm thành phần giấy tờ, thay thế bằng dữ liệu điện tử được quán triệt từ tỉnh đến các xã, phường. Trong năm 2025, tỉnh đã công bố và chuẩn hóa gần 300 thủ tục hành chính theo quy định của các bộ, ngành Trung ương. Các sở, ngành thực hiện công bố đầy đủ, đảm bảo nhân dân, doanh nghiệp có thể tra cứu, theo dõi dễ dàng. Đặc biệt, tỉnh đã phân cấp cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong kiểm soát cải cách hành chính, giúp rút ngắn quy trình, việc giải quyết trở nên xuyên suốt.

Cùng cả nước chính thức thống nhất sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia từ 01/7/2025, tỉnh ta đã ban hành quyết định công bố các danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý trên địa bàn tỉnh. Công bố, công khai, cập nhật 2.119 thủ tục hành chính dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Viễn thông Sơn La điều chỉnh các quy trình nội bộ để cấu hình lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; tích hợp, cung cấp 100% thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý luôn ở mức cao, tỷ lệ đúng hạn đạt tới 98%, hồ sơ được giải quyết đúng thời gian cam kết và được thực hiện trực tuyến. Công tác số hóa hồ sơ và trả kết quả bản điện tử tiếp tục được thực hiện nghiêm túc. Tỷ lệ số hóa tại cấp tỉnh đạt gần 100%, tạo điều kiện để nhân dân dùng lại dữ liệu nhiều lần mà không phải xuất trình lại giấy tờ.

Ở cấp xã, phường, các Trung tâm Phục vụ hành chính công cũng duy trì hoạt động ổn định, nhân dân có thể thực hiện phần lớn thủ tục ngay tại địa phương, không phân biệt địa giới hành chính như trước. Ông Đinh Thế Huyền, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Mường Cơi, cho biết: Việc lựa chọn các thủ tục không phụ thuộc vào địa giới hành chính được nghiên cứu kỹ lưỡng, ưu tiên lựa chọn những thủ tục có tần suất phát sinh cao, phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân như đất đai, xây dựng, giáo dục, y tế... Nếu như trước, cán bộ phận một cửa thường kiêm nhiệm và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo

Ủy ban nhân dân cấp xã, dễ dẫn đến tình trạng “mỗi nơi một kiểu”, hoặc nể nang, cục bộ, thì nay chuyển sang mô hình “phi địa giới” dưới sự điều phối của Trung tâm, cán bộ tiếp nhận sẽ hoạt động độc lập hơn về mặt nghiệp vụ, chỉ tuân thủ quy trình chuẩn đã được công bố. Điều này giúp giảm thiểu tối đa sự can thiệp chủ quan và rủi ro những nhiễu.

Những kết quả của năm 2025 đã khẳng định hướng đi nhất quán của Sơn La, cải cách hành chính phải đồng bộ, thực chất và đặt lợi ích của nhân dân, doanh nghiệp lên trên hết. Cách làm quyết liệt của tỉnh đang cho thấy mô hình một nền hành chính hiện đại, minh bạch, thân thiện và phục vụ, vì sự phát triển bền vững của tỉnh và sự hài lòng của Nhân dân.

Nguồn: [baosonla.vn](#)

CAO BẰNG: TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ SAU SÁP NHẬP, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN PHỤC VỤ

Sau quá trình sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính, bộ máy chính quyền tỉnh bước sang giai đoạn vận hành mới với quy mô lớn hơn, yêu cầu quản trị cao hơn và áp lực phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng rõ nét. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng tất yếu mà trở thành “chìa khóa” quan trọng giúp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả điều hành, bảo đảm thông suốt hoạt động và từng bước xây dựng chính quyền phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Chuyển đổi số - yêu cầu tất yếu sau sáp nhập đơn vị hành chính

Trong năm qua, cùng với việc triển khai sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính theo chủ trương lớn của Trung ương, tỉnh Cao Bằng đã và đang đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm thích ứng với tổ chức bộ máy mới, xây dựng chính quyền phục vụ theo hướng gần dân, sát dân. Việc sáp nhập đơn vị hành chính không chỉ đơn thuần là thu gọn đầu mối quản lý mà còn đặt ra những đòi hỏi cấp bách về năng lực điều hành, tinh giản thủ tục, tối ưu hóa quy trình giải quyết công việc. Chuyển đổi số, vì vậy, trở thành một yếu tố chiến lược mang tính toàn diện, không chỉ dừng ở ứng dụng công nghệ thông tin mà còn đặt ra yêu cầu thay đổi cách nghĩ, cách làm của các cấp chính quyền sau sáp nhập.

Thực tiễn cho thấy, sau sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp, các phường, xã có diện tích rộng hơn, dân số lớn hơn và khối lượng thủ tục hành chính tăng rõ rệt. Bộ phận một cửa tiếp nhận xử lý hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp đòi hỏi phải xử lý khối lượng lớn dữ liệu, yêu cầu độ chính xác và nhanh chóng cao hơn. Bên cạnh đó, nếu vẫn duy trì cách làm truyền thống, phụ thuộc nhiều vào hồ sơ giấy và xử lý thủ công, bộ máy sau sáp nhập rất dễ rơi vào tình trạng quá tải, chậm trễ, phát sinh phiền hà cho người dân. Điều này đặt ra bài toán làm sao để không tăng gánh nặng quản lý nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả phục vụ. Chính vì vậy, chuyển đổi số được xác định là “đòn bẩy” quan trọng nhất cho cải cách hành chính hiện đại. Không chỉ đơn thuần đưa các thủ tục lên môi trường số, mà còn là tái cấu trúc quy

trình làm việc, tạo nền tảng dữ liệu thống nhất, giúp các cơ quan, đơn vị chia sẻ thông tin, phối hợp nhanh chóng, giảm chồng chéo và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, công việc.

Ngay từ những ngày đầu vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, từ cấp tỉnh đến cơ sở, Cao Bằng đã xác định rõ chuyển đổi số phải gắn chặt với cải cách hành chính, lấy việc phục vụ người dân làm trung tâm. Các hệ thống dùng chung như quản lý văn bản và điều hành, cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử được rà soát, nâng cấp, bảo đảm vận hành thống nhất, liên thông, tạo nền tảng cho chính quyền số hình thành và phát triển đồng bộ.

Đặc biệt, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực từng bước được đẩy mạnh. Khi dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai, bảo hiểm, doanh nghiệp... được khai thác hiệu quả, cán bộ, công chức có thể xử lý hồ sơ nhanh hơn, giảm yêu cầu người dân phải cung cấp lại nhiều loại giấy tờ đã có trong hệ thống. Đây chính là một trong những lợi ích rõ nét nhất mà chuyển đổi số mang lại trong bối cảnh bộ máy hành chính sau sáp nhập phải xử lý khối lượng công việc lớn hơn trước.

Bên cạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tỉnh cũng chú trọng thay đổi tư duy quản trị của đội ngũ cán bộ, công chức. Từ chỗ nặng về “quản lý”, nhiều cơ quan, đơn vị đã chuyển mạnh sang tư duy “phục vụ”, coi sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá hiệu quả công việc. Chuyển đổi số, vì vậy, không chỉ là câu chuyện của công nghệ mà còn là quá trình đổi mới toàn diện cách nghĩ, cách làm trong bộ máy chính quyền.

Từ thực tiễn cơ sở đến chính quyền gần dân, phục vụ nhân dân

Hiệu quả của chuyển đổi số được thể hiện rõ nhất ở cấp cơ sở, nơi trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc hằng ngày cho người dân. Với đặc thù địa bàn rộng, nhiều xóm cách xa trung tâm hành chính, trước đây người dân ở nhiều xã trong tỉnh phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính. Sau sáp nhập, cùng với việc đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến, nhiều thủ tục được tiếp nhận và xử lý trên môi trường mạng, giúp người dân giảm thời gian, chi phí đi lại, đồng thời giảm áp lực cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Ông Nguyễn Xuân Dân, xã Quảng Uyên chia sẻ: Tôi thấy rõ sự thay đổi sau sáp nhập. Trước đây làm thủ tục phải đi lại nhiều lần, nay được cán bộ hướng dẫn làm trực tuyến, thiếu giấy tờ thì được thông báo ngay. Cách làm này thuận tiện và tiết kiệm thời gian cho người dân chúng tôi.

Những ý kiến từ chính người dân, đối tượng trực tiếp thụ hưởng dịch vụ công, cho thấy chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc thay đổi cách tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, mà còn từng bước làm thay đổi mối quan hệ giữa chính quyền và Nhân dân, từ chỗ “làm thay” sang “làm cùng”, tạo điều kiện để người dân chủ động tiếp cận, giám sát và đồng hành cùng chính quyền trong quá trình cải cách.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lý Quốc, sau khi chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, bộ máy nhanh chóng được kiện toàn và vận hành ổn định theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trung tâm hiện thực hiện 354 thủ tục hành chính, trong đó có 124 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 195 dịch vụ công trực tuyến một phần. Từ ngày thành lập đến ngày 18/12/2025, Trung tâm đã tiếp nhận 1.252 hồ sơ, trong đó gần 47% hồ sơ

được nộp qua dịch vụ công trực tuyến; 100% hồ sơ được số hóa ngay khi tiếp nhận, tạo thuận lợi cho quá trình xử lý, theo dõi và tra cứu. Kết quả giải quyết đạt tỷ lệ cao, với 1.245 hồ sơ được trả trước hạn hoặc đúng hạn.

Chị Mã Thị Hiền, chuyên viên lĩnh vực tư pháp - hộ tịch, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lý Quốc cho biết: Sau sáp nhập, khối lượng công việc tăng lên rất nhiều. Nhờ phần mềm một cửa và hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, chúng tôi có thể theo dõi tiến độ từng hồ sơ, hạn chế sai sót. Người dân cũng có thể tra cứu tình trạng xử lý nên yên tâm hơn.

Không chỉ ở cấp xã, những con số thống kê cho thấy chuyển đổi số sau sáp nhập đang mang lại hiệu quả tích cực trên phạm vi toàn tỉnh. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã tích hợp, cung cấp 1.925 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó có 669 dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp định danh và xác thực điện tử VNeID, góp phần giảm giấy tờ, tăng tỷ lệ số hóa và tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính. Nền tảng Công dân số Cao Bằng, đưa vào vận hành từ năm 2024, ghi nhận 19.816 lượt tải, trở thành kênh tương tác hai chiều hiệu quả giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Hạ tầng số tiếp tục được củng cố với 100% cơ quan hành chính cấp huyện (cũ) và cấp xã được kết nối Internet băng rộng, 33 trạm 5G thương mại và 1.217 trạm BTS phủ sóng đến 100% xã, góp phần thu hẹp khoảng cách số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Sau khi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp chính thức vận hành, từ ngày 01/7 - 10/12/2025, toàn tỉnh đã tiếp nhận 109.705 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó 56,5% hồ sơ được nộp trực tuyến; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 98,72%, riêng cấp xã đạt 99,57%. Công tác số hóa được đẩy mạnh với tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 88,46%, 88,63% hồ sơ được cấp kết quả điện tử, 123.930 hồ sơ được đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Những kết quả này góp phần rút ngắn quy trình, giảm phiền hà, đưa chính quyền ngày càng gần dân, sát dân hơn trong bối cảnh tổ chức bộ máy mới.

Với quyết tâm chính trị cao và những giải pháp đồng bộ, chuyển đổi số sau sáp nhập đang từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng, góp phần xây dựng chính quyền Cao Bằng gần dân hơn, phục vụ Nhân dân tốt hơn, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Nguồn: baocaobang.vn

THÁI NGUYÊN: HIỆU QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

Ứng dụng “Số tay đảng viên điện tử” là một điểm sáng nổi bật, được Thái Nguyên triển khai từ năm 2020, đến nay tỷ lệ đăng ký đạt hơn 92%, đưa tỉnh trở thành một trong bốn địa phương tiêu biểu được Trung ương lựa chọn thí điểm.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW phê duyệt đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, từ Trung ương đến cấp ủy, tổ chức đảng địa phương, nhiệm vụ chuyển đổi số đã tạo ra những chuyển động thực chất trong hoạt động của các cơ quan đảng.

Thái Nguyên là một trong những địa phương đi đầu, sớm đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW vào cuộc sống với những hành động cụ thể, thiết thực. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất xác định, phát triển khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực là một trong ba đột phá phát triển.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quán triệt quan điểm, chuyển đổi số phải gắn chặt với cải cách thủ tục hành chính trong Đảng; lấy đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành làm mục tiêu trọng tâm nhằm đổi mới toàn diện cách thức tổ chức công việc, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên; từng bước hình thành phong cách làm việc khoa học, hiện đại, dựa trên dữ liệu số, qua đó nâng cao chất lượng tham mưu, giảm thời gian xử lý công việc, phục vụ tốt hơn yêu cầu lãnh đạo của cấp ủy các cấp.

Theo Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 30/9/2025, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã phân công rõ trách nhiệm cho từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị; xây dựng lộ trình triển khai phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương. Quá trình triển khai được thực hiện đồng bộ, bài bản, từng bước tạo chuyển biến rõ nét từ tỉnh đến cơ sở.

Đại diện lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên cho biết, tỉnh đã triển khai thống nhất hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp mới do Trung ương chuyển giao trong các cơ quan đảng. Hệ thống được tích hợp đồng bộ các chức năng như chữ ký số, quản lý công việc, lịch công tác, quản lý đảng viên; được triển khai thông suốt tại 96 cơ quan, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở.

Hơn 3.800 cán bộ, công chức, viên chức được trang bị thiết bị đầu cuối đồng bộ; hơn 4.100 chữ ký số và hàng nghìn thiết bị ký số mã hóa được cấp phát, tạo nền tảng vững chắc cho việc xử lý công việc trên môi trường số. Đáng chú ý, việc gửi, nhận văn bản mật qua mạng bảo đảm kịp thời, an toàn, đáp ứng yêu cầu bảo mật cao trong điều kiện chuyển đổi số.

Trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật đó, nhiều ứng dụng số phục vụ trực tiếp hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đã được Tỉnh ủy Thái Nguyên triển khai hiệu quả. Mô hình “phòng họp không giấy” được áp dụng trong các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

Ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử” là một điểm sáng nổi bật, được Thái Nguyên triển khai từ năm 2020, đến nay tỷ lệ đăng ký đạt hơn 92%, đưa tỉnh trở thành một trong bốn địa phương tiêu biểu được Trung ương lựa chọn thí điểm.

Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp được triển khai 100% trong các cơ quan đảng; 100% số cơ quan, đơn vị báo cáo hằng ngày trên hệ thống theo dõi việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương.

Khoảng 30% số hồ sơ, tài liệu đã được số hóa; dữ liệu được tập trung tại Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy, tích hợp với Trung tâm dữ liệu của tỉnh, tạo nền tảng quan trọng cho việc chia sẻ, sử dụng thông tin phục vụ điều hành.

Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Sông Công Nguyễn Trung Hòa cho biết, sau hơn bốn tháng hoạt động theo mô hình mới, Đảng ủy phường Sông Công đã nhanh chóng ổn định tổ chức, thích ứng phương thức quản trị mới, tập trung vào hai nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ nhân dân.

Đến nay, phường đã hoàn thành chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đảng viên trên phần mềm 3.0; 100% số văn bản hành chính được xử lý trên môi trường mạng; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 82%, thanh toán trực tuyến gần 99%, giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

Cùng với đó, việc triển khai đồng bộ đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đã tạo điều kiện để người dân chỉ cần sử dụng điện thoại thông minh là có thể thực hiện hầu hết các bước trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Đây là chuyển biến quan trọng, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân làm trung tâm.

Theo Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên Nguyễn Đăng Bình, chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà quan trọng hơn là đổi mới tư duy quản lý, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ. Chuyển đổi số trong cơ quan đảng là nhiệm vụ khó, khối lượng công việc lớn, nhưng là bước đi tất yếu nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Nguồn: nhandan.vn

NGHỆ AN: TỔNG KẾT THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 07/01/2026, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh Nghệ An đã tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2025; triển khai phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.

Nhiều kết quả tích cực

Báo cáo tại Hội nghị, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Nguyễn Quý Linh cho biết: Sau 1 năm thực hiện các nhiệm vụ được giao, Nghệ An đạt nhiều kết quả tích cực, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tỉnh Nghệ An đã kịp thời cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương thành các quy định, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn, từng bước hoàn thiện thể chế, bảo đảm tiến độ triển khai theo yêu cầu... Hạ tầng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tiếp tục được đầu tư, phát triển, với 99,97% dân số được phủ sóng 4G; 50% dân số được phủ sóng 5G, đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

Cải cách thủ tục hành chính đạt kết quả đột phá: thời gian giải quyết thủ tục hành chính giảm trung bình 35%; chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tiết kiệm hơn 35 tỷ đồng/năm; tỷ lệ cắt giảm chi phí đạt 17%.

Dịch vụ công trực tuyến phát triển vượt bậc, với 100% thủ tục hành chính hoàn thành tái cấu trúc; 100% dịch vụ công trực tuyến tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 85,75%; dữ liệu dùng chung được tái sử dụng hiệu quả, đạt tỷ lệ 87,59%.

Các nền tảng số, hệ thống thông tin được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, qua đó giúp Nghệ An xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phố trong giai đoạn 1 thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

Việc triển khai Đề án số 06 đạt nhiều kết quả nổi bật: hoàn thành chiến dịch “90 ngày đêm làm sạch dữ liệu đất đai”; xác thực dữ liệu người tham gia bảo hiểm xã hội với dữ liệu dân cư đạt 99,89%; số hóa 100% dữ liệu hộ tịch; hoàn thành bệnh án điện tử tại 53/53 bệnh viện, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, Nghệ An hoàn thành 24/55 nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị; 28/44 nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện Quyết định số 204 của Ban Bí thư; 63/82 nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh; hoàn thành toàn bộ 36/36 nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện Thông báo kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm.

Tuy nhiên, hội nghị cũng thẳng thắn chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, như: việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin còn bất cập; tiến độ số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu chậm; nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cơ yếu cấp xã còn thiếu; hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và liên kết “ba nhà” chưa phát triển tương xứng...

Hành động quyết liệt, tạo đột phá trong năm 2026

Phát biểu kết luận hội nghị, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Khắc Thận – Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh nhấn mạnh: Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo đột phá đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nghệ An đã triển khai nghiêm túc, kịp thời, với tinh thần trách nhiệm cao, gắn chương trình hành động với sản phẩm, kết quả cụ thể, đo đếm được; công tác tuyên truyền được thực hiện đa dạng, phong phú.

Trong năm 2026, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Khắc Thận ủy yêu cầu quán triệt và nâng cao nhận thức từ tỉnh đến xã, phường về tầm quan trọng của ba trụ cột: chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06. Nhấn mạnh “nhận thức đúng thì hành động mới quyết liệt và hiệu quả”, Bí thư Tỉnh ủy yêu cầu tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát chặt chẽ trên cơ sở kết quả, sản phẩm cụ thể.

Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Khắc Thận ghi nhận, biểu dương nỗ lực, trách nhiệm của các sở, ban, ngành và các thành viên Ban Chỉ đạo các cấp trong năm 2025; đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế trong nhận thức, tổ chức thực hiện, phối hợp chưa chặt chẽ; đầu tư cho khoa học, công nghệ, chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu; nhân lực thiếu, hạ tầng chưa đồng bộ; cải cách hành chính dù có tiến bộ nhưng chưa đạt kỳ vọng.

Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Khắc Thận giao cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu ban hành Chương trình công tác năm 2026 trước ngày 15/01/2026, bảo đảm phương châm: “Rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ thời gian, rõ trách nhiệm và rõ kết quả”; mỗi địa phương, đơn vị phải đăng ký ít nhất một nhiệm vụ đột phá trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Cùng với đó, tập trung hoàn thiện thể chế; nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đột phá để thu hút doanh nghiệp khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực công nghệ thông tin; đầu tư hạ tầng, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, tiến tới hình thành Trung tâm Dữ liệu của tỉnh; đẩy mạnh liên kết “ba nhà”, lấy trường Đại học Vinh làm hạt nhân; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Khắc Thận cũng yêu cầu tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Những trường hợp không đáp ứng yêu cầu sẽ bị xem xét, xử lý nghiêm theo quy định.

Nguồn: [daibieunhandan.vn](#)

HUẾ: 13/13 SỞ, NGÀNH CHUYỂN GIAO TOÀN BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO BƯU ĐIỆN TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG

Đến nay, toàn bộ 13/13 sở, ngành của thành phố Huế đã hoàn tất việc chuyển giao các lĩnh vực thủ tục hành chính cho nhân viên Bưu điện thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp thành phố. Đây được xem là một mốc tiến độ quan trọng trong quá trình tổ chức, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn.

Thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân thành phố Huế, từ tháng 7/2025, Bưu điện thành phố Huế được giao tham gia hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công. Việc 13/13 sở, ngành chuyển giao toàn bộ lĩnh vực cho lực lượng bưu chính công ích đã giúp thống nhất đầu mối tiếp nhận, giảm áp lực cho đội ngũ công chức chuyên môn, đồng thời bảo đảm hoạt động hành chính diễn ra thông suốt trong giai đoạn chuyển đổi mô hình.

Hiện, Bưu điện thành phố Huế bố trí 85 nhân viên làm việc tại 41 Trung tâm Phục vụ hành chính công, gồm 40 xã, phường và trung tâm cấp thành phố. Ở cấp cơ sở, 7/40 trung tâm

đã chuyển giao toàn bộ lĩnh vực cho nhân viên bưu điện, 21/40 trung tâm chuyển giao một phần, cho thấy tiến độ triển khai đang được mở rộng theo lộ trình.

Qua triển khai, nhân viên bưu điện đã hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa và trả kết quả cho hơn 199.000 hồ sơ thủ tục hành chính. Trên 177.000 hồ sơ đã được trả kết quả.

Đáng chú ý, gần 34.000 hồ sơ được tiếp nhận theo mô hình phi địa giới hành chính và gần 12.000 hồ sơ được luân chuyển, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và hỗ trợ thực chất cho việc xây dựng chính quyền 2 cấp tại thành phố Huế.

Nguồn: nhandan.vn

GIA LAI: MỤC TIÊU ĐẶT RA LÀ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH THUỘC NHÓM XUẤT SẮC

Theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về cải cách hành chính năm 2026, mục tiêu đặt ra là chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh thuộc nhóm xuất sắc, nằm trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước. Trước đó, thông tin tại buổi họp báo của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn năm 2025, Gia Lai xếp thứ 2/34 tỉnh, thành phố về chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp, thuộc nhóm địa phương có điểm số xuất sắc.

Xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp

Theo Kế hoạch số 153/KH-UBND về cải cách hành chính năm 2026 mới được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đặt ra 7 nhóm chỉ tiêu để triển khai thực hiện, gồm: kết quả các chỉ số đánh giá hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra công vụ; cải cách tài chính công và chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước. Trong đó, mục tiêu chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số chuyển đổi số thuộc nhóm tốt; chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp thuộc nhóm xuất sắc, nằm trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước.

Để triển khai hiệu quả các chỉ tiêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đặt ra 7 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng sở, ngành, đơn vị, địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thể hiện trách nhiệm nêu gương, vai trò dẫn dắt, quán triệt tinh thần đổi mới, hành động quyết liệt, bám sát phương châm “kỷ cương đi trước - nguồn lực đi cùng - kết quả là thước đo” và tiêu chí “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện các nội dung cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp - Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh nhân mạnh.

Cắt giảm vượt 25,15% thời gian giải quyết thủ tục hành chính

Trước đó, theo thông tin tại buổi họp báo của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn năm 2025, Gia Lai xếp thứ 2/34 tỉnh, thành phố về chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Theo đó, năm 2025, toàn tỉnh Gia Lai đã đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính. Tỉnh đã rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ đối với 1.713 thủ tục. Đáng chú ý, thời gian giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm 55,15%, vượt 25,15% chỉ tiêu Chính phủ giao. Tỉnh rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục đầu tư - xây dựng - môi trường - phòng cháy, chữa cháy. Nhờ đó, thời gian giải quyết thủ tục dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp giảm từ 242 ngày xuống còn 60 ngày; dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp giảm từ 145 ngày xuống còn 38 ngày. Thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 3 ngày giảm còn 3 giờ.

Tỉnh Gia Lai cũng đã ban hành danh mục thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, người dân có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ địa phương nào trong tỉnh, giảm thời gian đi lại và các chi phí phát sinh. Đồng thời, công bố danh mục 436 thủ tục có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, giúp giảm tối đa giấy tờ phải nộp.

Tỉnh Gia Lai đã hoàn thành 1.088 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 1.122 dịch vụ công trực tuyến một phần; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 95,2%, hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 97,6%. Nhờ đó, chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt 96,63 điểm, xếp thứ 2/34 tỉnh, thành phố; thuộc nhóm địa phương có điểm số xuất sắc, khẳng định tinh thần của chính quyền hành động, đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp, tạo dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn.

Tại buổi họp báo, đại diện các sở, ngành đã phân tích, làm rõ các trình tự thủ tục, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phối hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Đồng thời, giải đáp một số câu hỏi liên quan đến vấn đề quy định hoạt động kinh doanh tại một số di tích trên địa bàn tỉnh; về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thời gian qua...

Tại buổi họp báo, đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh đã chia sẻ những thay đổi về chất của công tác cải cách thủ tục hành chính thời gian qua; quyết tâm của tỉnh khi xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, lâm nghiệp, môi trường và phòng cháy, chữa cháy. Đồng thời khẳng định: Gia Lai nỗ lực làm tất cả không nằm ngoài mục tiêu phục vụ hiệu quả người dân và doanh nghiệp, kiến tạo môi trường thông thoáng, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển, nâng cao uy tín của tỉnh.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỒNG NAI BẢO ĐẢM THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẬP TRUNG

Ngày 08/01/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã yêu cầu các sở, ngành, chính quyền 95 xã, phường tăng cường triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung.

Theo đó, nhằm bảo đảm hiệu quả việc triển khai tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp được thông suốt, hiệu quả, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương kịp thời nắm bắt thông tin, tình hình triển khai tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Với một số nội dung tồn tại, vướng mắc, cần tổng hợp, báo cáo bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời xử lý, hỗ trợ cho cán bộ tại Bộ phận một cửa.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các địa phương những vấn đề vướng mắc, bảo đảm quá trình thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được thông suốt, hiệu quả.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường bám sát các hướng dẫn của bộ, ngành trung ương và các sở, ngành để bảo đảm công tác triển khai thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung mới trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp sở, ngành và các đơn vị thi công phần mềm có liên quan triển khai, hỗ trợ kỹ thuật đối với các thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bảo đảm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

Tại Đồng Nai, cùng với tiếp tục hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm hoạt động thông suốt, địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp trong cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả. Nhờ đó, liên tục những tháng qua Đồng Nai luôn đứng trong nhóm ba tỉnh dẫn đầu cả nước về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đầu tháng 12 vừa qua, kiểm tra công tác cải cách hành chính tại tỉnh Đồng Nai, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn đánh giá, Đồng Nai hiện là một trong ba địa phương dẫn đầu cả nước trong thực hiện bộ chỉ số mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Để phát huy kết quả đạt được, tỉnh cần tiếp tục rà soát, bố trí đủ nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị cho hoạt động của trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. Cùng với đó, quan tâm

hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính phi địa giới hành chính, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỒNG THÁP: QUYẾT LIỆT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ

Nhằm cải thiện và phát huy tốt hơn nữa công tác cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp vừa yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của Trung ương, tỉnh.

Đồng thời, tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 phải bám sát các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch của tỉnh và phù hợp với thực tế của cấp đơn vị thực hiện, bảo đảm nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ thời gian hoàn thành; thường xuyên kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện để có giải pháp chấn chỉnh kịp thời.

Bên cạnh đó, thường xuyên rà soát quy định, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các nội dung không còn phù hợp; tập trung cải cách nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; xử lý nghiêm và điều chuyển công tác khác đối với công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, chậm trễ hoặc yêu cầu thành phần hồ sơ ngoài quy định; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về sở, ngành để được hỗ trợ.

Rà soát, cập nhật đầy đủ, kịp thời danh mục thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi có Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm 100% hồ sơ được tiếp nhận và cập nhật lên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định; theo dõi thường xuyên các chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo thời gian thực trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; chủ động đề ra giải pháp cải thiện các chỉ số còn hạn chế; kịp thời xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; chủ động bố trí, sắp xếp nhân lực phù hợp, khắc phục tình trạng thiếu và yếu, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Triển khai hiệu quả nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; khai thác hiệu quả các phần mềm dùng chung; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến; rà soát, cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Theo dõi, chỉ đạo triển khai nghiêm Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 7/10/2025 của Bộ Công an về hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia VNeID trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành tỉnh tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ cho 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thủ tục hành chính của cấp xã; bảo đảm thực hiện đúng quy trình, thành phần hồ sơ và biểu mẫu.

Nguồn: baodongthap.vn

CÀ MAU: CHÍNH QUYỀN 02 CẤP NGÀY Càng GẦN DÂN

Sau 6 tháng vận hành chính quyền 2 cấp, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ tỉnh xuống cấp xã ở Cà Mau đã xác định rõ hơn trách nhiệm và năng lực xử lý của từng đầu mối. Qua đó, xã - phường đã đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực - hiệu quả quản lý Nhà nước, tập trung giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân - doanh nghiệp, ngày càng gần dân, sát dân.

95% hài lòng với hành chính công

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh là đơn vị vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Sau 6 tháng vận hành chính quyền 2 cấp, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng trung tâm này đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Theo đó, từ khi vận hành chính thức, toàn tỉnh tiếp nhận 242.892 hồ sơ (cấp tỉnh 17.258, cấp xã 225.634), tất cả đều được đồng bộ về Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp: tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 84,28% (xếp hạng 6/34), thanh toán trực tuyến đạt 91,96% (hạng 2/34), thủ tục hành chính cung cấp trên cổng đạt 100%, hồ sơ đúng hạn đạt 97,24%, mức độ hài lòng trên 95%. Hệ thống hoạt động ổn định, bảo đảm yêu cầu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Để đạt được kết quả đó, tỉnh đã cấp 1.794 tài khoản cho cán bộ tiếp nhận, xử lý hồ sơ; trong đó 584 tài khoản có chức năng tra cứu dữ liệu dân cư theo đúng quy định.

Tỉnh hỗ trợ cho cấp xã cơ bản hoàn thành bố trí trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kế thừa hạ tầng sẵn có, bổ sung 83,7 tỷ đồng để nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị. Nhân sự bố trí đầy đủ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có 55 công chức; cấp xã có 472 công chức, bình quân 7 công chức/trung tâm, cùng lực lượng hỗ trợ từ Tổ Công nghệ số cộng đồng và Văn phòng Đăng ký đất đai. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đảm bảo thông suốt, không gián đoạn.

Hạ tầng thông tin ổn định, thông suốt

Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Ban Chỉ đạo của tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, tập trung tháo gỡ ngay các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, dữ liệu, nhằm bảo đảm hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp sau sáp nhập vận hành thông suốt, liên tục, hiệu quả từ ngày 01/7/2025. Theo đó, Cà Mau đã thống nhất sử dụng Trung tâm dữ liệu và 5 nền tảng, hệ thống thông tin thiết yếu đang vận hành tại tỉnh Cà Mau (cũ), gồm: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Hệ thống email công vụ; Trục liên thông văn bản quốc gia và Trục liên thông nội tỉnh (LGSP) để tiếp tục duy trì, phát triển và triển khai sau khi hợp nhất 2 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu.

Hiện nay, tất cả các đơn vị cấp xã đã xây dựng hệ thống mạng LAN, bảo đảm kết nối các máy tính nội bộ phục vụ công tác chuyên môn, quản lý văn bản, dịch vụ công và khai thác các hệ thống, phần mềm dùng chung của tỉnh.

Về triển khai chữ ký số: tỉnh đã đề nghị cấp mới 720 chữ ký số (trong đó 314 chữ ký số cho cơ quan, tổ chức; 406 chữ ký số cá nhân); đồng thời thực hiện gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ 3.524 chữ ký số; khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho 165 thiết bị của các tổ chức, cá nhân. Tính đến ngày 14/9/2025, số lượng chữ ký số chuyên dùng công vụ còn hoạt động trên địa bàn tỉnh 9.683 chữ ký số (trong đó 1.076 chữ ký số của tổ chức; 8.604 chữ ký số của cá nhân; 3 chữ ký số thiết bị dịch vụ, phần mềm).

Theo đánh giá của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tỉnh Cà Mau đã bảo đảm các điều kiện cơ bản để vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

Quyết liệt ngay từ đầu

Để có được chính quyền 2 cấp ngày càng gần dân, sát dân, Cà Mau đã bám sát chỉ đạo của Trung ương, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kiện toàn sắp xếp bộ máy ngay từ khi có chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính, tinh giản biên chế.

Theo Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Cà Mau Huỳnh Quốc Việt, ngay sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương cơ bản đảm bảo chất lượng, hiệu quả, kịp thời, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị và phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cấp, từng ngành thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện. Từ đó, việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp đảm bảo đúng tiến độ, bộ máy từng bước được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

“Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ tỉnh xuống cấp xã đã xác định rõ hơn trách nhiệm và năng lực xử lý của từng đầu mối; qua đó, giúp chính quyền cấp xã ngày càng gần dân, sát dân, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, tập trung giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người dân trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính. Một số khó khăn, vướng mắc phát sinh tại thời điểm mới vận hành chính quyền địa phương 2 cấp được giải quyết kịp thời. Những kết quả mà Cà Mau đạt được sau 6 tháng vận hành chính quyền 2 cấp, như là một bông hoa nhỏ giữ rừng hoa của đất nước chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV sắp diễn ra” - ông Huỳnh Quốc Việt nhấn mạnh.

Nguồn: kinhtedothi.vn

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TRONG DỰ THẢO CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI XIV

1. Đặt vấn đề

Trước hết, cần xác định và phân định rõ phân cấp, phân quyền là phương thức, là cơ sở quan trọng để tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước hiệu quả. Theo Từ điển luật học, phân cấp được hiểu là việc “chuyển giao một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên cho cơ quan cấp dưới thực hiện thường xuyên, ổn định theo quy định của pháp luật”[1]. Phân quyền được hiểu là “phân cho một tập thể hay một đơn vị hành chính - lãnh thổ tự quản lý, có tư cách pháp nhân, có những quyền hạn và những nguồn lực nhất định, dưới sự kiểm tra của Nhà nước”[2].

Công cuộc đổi mới và phát triển đất nước trong hơn 40 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trong đó cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, đặc biệt là vấn đề phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương luôn là một trong những nội dung trọng tâm và xuyên suốt. Bối cảnh quốc tế với những diễn biến phức tạp, khó lường; tình hình trong nước với những vấn đề triển khai nhanh chóng, quyết liệt trong cải cách, đổi mới toàn diện đất nước đặt ra yêu cầu tiên quyết phải có một hệ thống bộ máy nhà nước năng động, hiệu lực và hiệu quả hơn; đủ năng lực để giải quyết và đáp ứng những yêu cầu từ thực tiễn và hệ thống. Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”[3]. Trong tổng thể mục tiêu ấy, vấn đề phân cấp, phân quyền của tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước đặt ra nhiều nội dung cần quan tâm trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Quan điểm về vấn đề này được Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Cũng cố hoàn thiện hệ thống chính quyền địa phương; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương”[4] và được cụ thể hoá ở nhiều quyết sách chính trị quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện. Trong đó, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ Ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã nhấn mạnh nhiệm vụ tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: “Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích tính năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước...”.

Thực tiễn triển khai chủ trương phân cấp, phân quyền những năm qua ở Việt Nam trên bình diện tổng thể bộ máy nhà nước đã có những chuyển biến tích cực và tập trung vào những nội dung trọng tâm thể hiện trong quan điểm định hướng của Đảng và sự thể chế hóa cụ thể

bằng hệ thống chính sách của Nhà nước. Qua đó, về phương diện thể chế, vấn đề phân cấp, phân quyền đã xác lập được cơ sở pháp lý quan trọng quy định và hướng dẫn thực hiện phân cấp, phân quyền. Hệ thống thể chế pháp luật về phân cấp, phân quyền từng bước được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý ngày càng rõ ràng. Hiến pháp năm 2013 với nguyên tắc “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước”, tạo nền tảng cho việc ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Luật này đã phân định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp, chuyển dịch từ tư duy quản lý tập trung sang trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; bước đầu khắc phục tình trạng điều hành dựa trên mệnh lệnh hành chính thuần túy, hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch hơn.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền là cơ sở quan trọng để phát huy tính chủ động của địa phương; đặc biệt trong lĩnh vực quản lý ngân sách và đầu tư công. Việc phân cấp quản lý ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đã tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc cân đối nguồn lực. Thực tiễn cho thấy, các địa phương được phân cấp mạnh về nguồn thu và nhiệm vụ chi đã có động lực lớn trong việc nuôi dưỡng nguồn thu và thu hút đầu tư.

Theo số liệu từ Nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách, tỷ lệ điều tiết ngân sách các thành phố lớn như Hà Nội (32%) và TP. Hồ Chí Minh (21%) năm 2024 tiếp tục được duy trì nhằm tạo nguồn lực để các đầu tàu kinh tế phát huy vai trò động lực[5]. Trong lĩnh vực đầu tư công, Luật Đầu tư công sửa đổi đã phân cấp mạnh thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, giúp rút ngắn quy trình, thủ tục và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm tại địa phương. Phân cấp, phân quyền được thúc đẩy trong những năm qua đã là yếu tố quan trọng để cải cách thủ tục hành chính gắn với phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đạt kết quả tích cực. Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phân cấp giải quyết nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Theo Báo cáo số 248/BC-CP của Chính phủ (2024), tính đến tháng 8/2024, các bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hóa hơn 3.000 quy định kinh doanh; tỷ lệ phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt khoảng 29,5%[6].

Hiệu quả của công tác này được phản ánh rõ nét qua các chỉ số đo lường sự hài lòng. Kết quả Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 cho thấy giá trị trung bình của các tỉnh, thành phố đạt 86,98%, tăng 2,19% so với năm 2022; Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) năm 2024 cũng ghi nhận mức tăng trưởng, đạt trung bình 83,94%[7]. Điều này minh chứng rằng phân cấp, phân quyền đã góp phần trực tiếp làm giảm tầng nấc trung gian, tiết kiệm thời gian và chi phí xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn phân cấp, phân quyền thời gian qua vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, là những rào cản đối với sự phát triển. Thể hiện ở những phương diện cơ bản như tình trạng thiếu đồng bộ, chồng chéo trong hệ thống pháp luật chuyên ngành; việc phân cấp, phân quyền nhưng chưa đi đôi với việc bảo đảm các điều kiện về nguồn lực tổ chức thực hiện. Một hạn chế rất cơ bản tồn tại trong thực tế thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở

các đơn vị, địa phương là tâm lý sợ trách nhiệm và năng lực thực thi hạn chế của người được giao quyền và có thẩm quyền.

Trên thực tế, nhiều cơ quan, địa phương thay vì chủ động quyết định theo thẩm quyền lại thường xuyên gửi văn bản hỏi ý kiến các bộ, ngành trung ương, tạo ra vòng luẩn quẩn hành chính không cần thiết[8]. Bên cạnh đó là hạn chế năng lực thực thi của bộ máy chính quyền cơ sở, khi được giao thêm nhiều thẩm quyền mới, phức tạp (đất đai, đầu tư, xây dựng) nhưng chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng về nhân lực và kỹ năng. Nếu không giải quyết triệt để vấn đề trách nhiệm và nâng cao năng lực thực thi công vụ, chủ trương phân cấp mạnh mẽ sẽ khó đi vào thực chất và có thể dẫn đến những ách tắc mới ngay tại cơ sở[9]. Một trong những hạn chế cơ bản từ thực tiễn phân cấp phân quyền là cơ chế kiểm soát quyền lực chưa theo kịp thực tiễn phân quyền. Việc trao quyền mạnh mẽ nếu thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả dễ dẫn đến nguy cơ lạm quyền, cục bộ địa phương và “lợi ích nhóm”. Thực tế thời gian qua đã xảy ra nhiều vụ việc sai phạm nghiêm trọng trong quản lý đất đai, đấu thầu, sử dụng ngân sách tại các địa phương, cho thấy “lỗ hổng” trong giám sát quyền lực sau phân cấp. Hệ thống kiểm soát hiện nay vẫn nặng về kiểm tra hành chính, hậu kiểm còn yếu, chưa đủ sức răn đe và ngăn chặn kịp thời các vi phạm ngay từ khi mới phát sinh.[10]

Những hạn chế trên là những “điểm nghẽn” mà Dự thảo văn kiện Đại hội XIV cần tập trung giải quyết.

2. Quan điểm của Đảng về phân cấp, phân quyền trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV

Nhận thức sâu sắc thể chế là một trong những điểm nghẽn lớn nhất nhưng cũng là dư địa cải cách lớn nhất, các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng đã dành sự quan tâm đặc biệt đến việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong các nội dung Dự thảo Văn kiện.

Điểm mới mang tính đột phá trong tư duy của Đảng lần này là quan điểm “Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế, mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Đây được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ XIV, thể hiện sự chuyển đổi thực chất về quyết tâm chính trị, về tư duy lãnh đạo để phân cấp, phân quyền không còn là việc chuyển giao nhiệm vụ một cách cơ học mà là một cuộc cải cách thực chất về tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Mục tiêu là phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của địa phương, giải phóng các nguồn lực phát triển, nhưng đồng thời phải siết chặt kỷ luật, kỷ cương và cá thể hóa trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu.

Dự thảo xác định đây là một trong ba đột phá chiến lược, then chốt của nhiệm kỳ: “Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị

phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương...”

Quan điểm của Đảng về phân cấp, phân quyền trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV thể hiện ở các nội dung cơ bản:

Một là, quan điểm về việc xác lập mối quan hệ hữu cơ, không thể tách rời giữa phân cấp, phân quyền và kiểm soát quyền lực nhà nước; được đặt trong một thể thống nhất với cơ chế kiểm soát, giám sát và trách nhiệm giải trình. Dự thảo văn kiện yêu cầu việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ phải đi đôi với hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong bộ máy nhà nước và tăng cường giám sát từ bên ngoài. Đặc biệt, dự thảo nhấn mạnh việc cá thể hóa và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi quyền lực được giao. Đây là một bước tiến thực chất trong tư duy lãnh đạo, hướng tới xây dựng một nhà nước mạnh, hiệu quả nhưng luôn trong giới hạn của pháp luật và phục vụ lợi ích của nhân dân.

Hai là, quan điểm của Đảng định hướng cụ thể, rõ ràng là đẩy mạnh cả phân cấp và phân quyền, trong đó nhấn mạnh việc luật hóa thẩm quyền của chính quyền địa phương (biểu hiện của phân quyền) và xác định rõ nhiệm vụ cho từng cấp hành chính (biểu hiện của phân cấp). Nhằm khắc phục tình trạng phân cấp chung chung, thiếu rõ ràng, các dự thảo văn kiện đặt ra yêu cầu phải cụ thể hóa, định lượng hóa tối đa thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp. Chủ trương “trung ương làm tốt việc vĩ mô, định hướng; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” được nêu trong dự thảo chính là sự cụ thể hóa của tư duy này. Khi thẩm quyền và trách nhiệm được định rõ bằng luật, chính quyền địa phương sẽ có đủ không gian để chủ động, sáng tạo, còn người dân và các cơ quan giám sát có cơ sở rõ ràng để đánh giá và quy trách nhiệm. Bên cạnh đó là sự phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể. Dự thảo xác định: *Trong phát triển kinh tế*: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tập trung vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm quốc gia có sức lan tỏa cao, kết nối vùng và liên vùng, nhằm khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải... *Trong xây dựng và thực thi pháp luật*: Tập trung điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng phân cấp, phân quyền triệt để... *Trong tổ chức bộ máy hệ thống chính trị*: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng hiện đại, gần dân, sát cơ sở, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát... *Trong quản lý tài nguyên và môi trường*: Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đã trở nên chặt chẽ và hiệu quả hơn...

Ba là, quan điểm của Đảng chống tiêu cực trong phân cấp, phân quyền và bảo đảm nguồn lực đồng bộ. Dự thảo văn kiện cũng chỉ ra một hiện tượng tiêu cực cần khắc phục trong quá trình phân cấp là tình trạng cấp trên “đẩy việc, đẩy rủi ro” xuống cho cấp dưới, trong khi vẫn giữ lại các nguồn lực và thẩm quyền quyết định quan trọng. Để giải quyết vấn đề này, chủ trương mới yêu cầu việc phân cấp nhiệm vụ phải đi kèm với sự bảo đảm tương xứng về nguồn lực, bao gồm ngân sách, biên chế, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác. Sự đồng bộ giữa nhiệm vụ và nguồn lực là điều kiện tiên quyết để việc phân cấp đi vào thực chất và có hiệu quả. Việc gắn trách nhiệm giải trình của người đứng đầu với kết quả sử dụng các nguồn lực được giao sẽ tạo ra động

lực mạnh mẽ để các cấp chính quyền sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực công, phục vụ tốt hơn cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Các định hướng về phân cấp, phân quyền trong dự thảo văn kiện Đại hội XIV đã thể hiện một bước tiến lớn trong tư duy lý luận của Đảng về tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Việc triển khai các định hướng mới về phân cấp, phân quyền sẽ mở ra nhiều cơ hội to lớn; góp phần khơi thông các “điểm nghẽn” thể chế, phát huy mạnh mẽ sự năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương; tạo đà cho cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Bên cạnh đó, việc chuyển trọng tâm từ “giao việc” sang “giao quyền gắn với giao trách nhiệm và cơ chế kiểm soát” là chìa khóa để xây dựng một nền hành chính kiến tạo, liêm chính, hiệu lực và hiệu quả. Từ chủ trương đến thực tiễn sẽ có nhiều thách thức, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao, sự năng động, hiệu quả của cả hệ thống chính trị và lộ trình pháp lý hóa chặt chẽ, khoa học. Đây là cơ sở chính trị quan trọng tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trong giai đoạn mới; là cơ sở hiện thực hóa các mục tiêu nhiệm kỳ mà Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng đã xác định.

Tiến sĩ Lê Thị Anh Đào, Phó Giám đốc Học viện Chính trị khu vực II

Tiến sĩ Bùi Thị Nguyệt Thu, Học viện Chính trị khu vực II

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân điện tử, *Công bố toàn văn dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, <https://nhandan.vn/cong-bo-toan-van-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-post915434.html>, truy cập ngày 29/11/2025.
2. Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ (2024), *Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 (PAR INDEX 2023)*, công bố ngày 17/04/2024.
3. Chính phủ (2024), *Báo cáo số 248/BC-CP ngày 08/07/2024 về kết quả rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính*.
4. Lê Văn Cường (2024), *Quyết tâm thực hiện hiệu quả Nghị định số 73/2023/NĐ-CP về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, truy cập ngày 15/12/2025.
5. Lê Thị Huyền (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phân quyền, phân cấp trong quản lý hành chính nhà nước*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật điện tử ngày 20/11/2023, truy cập ngày 30/11/2025.
6. Hoàng Thị Ngân (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong quản lý hành chính ở Việt Nam*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, truy cập ngày 30/11/2025.
7. Quốc hội (2023), *Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024*.

- [1] Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) (2006), “*Từ điển luật học*”, Nxb. Từ điển Bách Khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 614
- [2] Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) (2006), “*Từ điển luật học*”, Nxb. Từ điển Bách Khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 615.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr.118.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021, tr.225.
- [5] Quốc hội (2023), Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.
- [6] Chính phủ (2024), Báo cáo số 248/BC-CP ngày 08/07/2024 về kết quả rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính.
- [7] Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ (2024), Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 (PAR INDEX 2023), công bố ngày 17/04/2024.
- [8] PGS.TS Lê Văn Cường (2024), *Quyết tâm thực hiện hiệu quả Nghị định số 73/2023/NĐ-CP về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động tháng 12/2023, bài viết được đăng trên trang thông tin điện tử của tạp chí (tcnn.vn) vào ngày 09/01/2024, <https://tcnn.vn/news/detail/63113/Quyết-tam-thuc-hien-hieu-qua-Nghi-dinh-so-732023ND-CP-ve-khuyen-khich-bao-ve-can-bo-nang-dong-sang-tao-dam-nghi-dam-lam-dam-chiu-trach-nhiem-vi-loi-ich-chung.html>, truy cập ngày 15/12/2025.
- [9] Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ (2025), *Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính năm 2024* (PAR INDEX 2024), công bố ngày 6/04/2025.
- [10] Lý Nam Hải, & Hoàng Thị Vĩnh Quỳnh. (2024). Pháp luật về phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương ở Việt Nam: một số hạn chế và giải pháp hoàn thiện. Tạp chí pháp luật và thực tiễn số 58/2024, truy cập từ <https://tapchi.hul.edu.vn/index.php/jl/article/view/365>, ngày 15/12/2025.

NĂM TRỤ CỘT THỂ CHẾ MỚI ĐỊNH HÌNH DIỆN MẠO KINH TẾ VIỆT NAM ĐẾN ĐẠI HỘI XIV

Năm trụ cột thể chế mới đang từng bước định hình lại diện mạo kinh tế Việt Nam từ nay đến Đại hội XIV, không chỉ ở cấp độ khẩu hiệu chính trị mà bằng những nghị quyết, cải cách pháp luật và thay đổi cách vận hành bộ máy cụ thể.

Nổi bật trong số đó là “bộ tứ trụ cột” thể chế được Tổng Bí thư và Bộ Chính trị nhấn mạnh: khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo (Nghị quyết số 57-NQ/TW), hội nhập quốc tế chủ động - toàn diện (Nghị quyết 59-NQ/TW), cải cách toàn diện công tác xây dựng và thi hành pháp luật (Nghị quyết 66-NQ/TW), và phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68-NQ/TW). Cùng với đó, chuyển đổi số - chuyển đổi xanh và cải cách hành chính quy mô lớn trở thành hai lớp nền thể chế mới, tạo nên cấu trúc năm trụ cột cho giai đoạn 2025 - 2030.

1. Thể chế khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những động lực chủ yếu của tăng trưởng nhanh và bền vững, yêu cầu hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ưu đãi thuế cho R&D và khuyến khích doanh nghiệp dẫn dắt đổi mới.

Trong 9 tháng năm 2025, khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng hàm lượng công nghệ trung bình - cao đóng góp chủ yếu vào mức tăng GDP 7,85%, trong đó nhiều ngành như điện tử, thiết bị điện, ô tô, dược phẩm đã hình thành các trung tâm R&D tại Việt Nam.

Chỉ tiêu cho khoa học - công nghệ tuy mới khoảng 0,53% GDP, nhưng tốc độ tăng bình quân trên 10%/năm và tỷ trọng doanh nghiệp trong tổng chi R&D đã vượt 60%, cho thấy thể chế khuyến khích doanh nghiệp dẫn dắt đổi mới bắt đầu phát huy hiệu quả.

Đây là bước xoay trục quan trọng: từ mô hình tăng trưởng dựa vào lao động rẻ và khai thác tài nguyên sang dựa trên tri thức, công nghệ và sáng tạo. Khung thể chế mới yêu cầu giảm mạnh cơ chế xin - cho trong phê duyệt dự án khoa học, chuyển sang đặt hàng theo kết quả đầu ra, cơ chế đồng tài trợ công - tư, cho phép quỹ đầu tư mạo hiểm tham gia sâu vào hệ sinh thái đổi mới. Nếu triển khai đúng, trụ cột này sẽ là nền tảng để nâng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) lên vùng 4-5%/năm, điều kiện tiên quyết để đạt tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

2. Thể chế hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế chủ động, toàn diện đặt mục tiêu đưa Việt Nam từ tham gia sâu sang định hình luật chơi ở một số sân chơi khu vực và toàn cầu. Sau gần một thập kỷ, Việt Nam đã tham gia 17 FTA, trong đó có CPTPP, EVFTA, RCEP, đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 dự kiến vượt 900 tỷ USD, tỷ lệ thương mại/GDP trên 200%, thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Sáu tháng đầu năm 2025, tăng trưởng GDP 7,52%, mức cao nhất 15 năm, được dẫn dắt chủ yếu bởi xuất khẩu công nghiệp chế biến và dòng FDI hướng vào sản xuất phục vụ chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thế chế hội nhập thế hệ mới không chỉ nằm ở việc ký thêm FTA, mà là cách nội luật hóa các cam kết về cạnh tranh, môi trường, lao động, dữ liệu xuyên biên giới, và tận dụng các khuôn khổ như CBAM, các hiệp định thuế tối thiểu toàn cầu để tái cấu trúc chính sách trong nước. Điều này đòi hỏi cải cách sâu thị trường dịch vụ, logistics, tài chính, nâng chuẩn quản trị doanh nghiệp và minh bạch thông tin, qua đó biến lợi thế hội nhập thành lợi thế thể chế - điều mà OECD khuyến nghị Việt Nam phải tăng tốc trong Báo cáo Khảo sát Kinh tế 2025.

3. Thể chế pháp luật và thực thi pháp luật

Nghị quyết số 66-NQ/TW được Tổng Bí thư gọi là cuộc cách mạng thể chế lần hai, đặt mục tiêu cải cách toàn diện từ quy trình làm luật đến khâu tổ chức thi hành và giám sát. Mục tiêu là xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, minh bạch, dễ dự đoán, bảo vệ mạnh mẽ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, và chấm dứt tình trạng hình thức, văn bản chồng chéo.

Trong 6 tháng từ cuối 2024 đến giữa 2025, 4 nghị quyết lớn về thể chế và hơn 20 luật liên quan đến đất đai, đầu tư, đấu thầu, kinh doanh bất động sản đã được sửa đổi, tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn cho thị trường vốn, đất đai và dự án PPP.

Song song, yêu cầu chuyển từ quản lý sang phục vụ, từ tiền kiểm sang hậu kiểm và ứng dụng dữ liệu số trong thanh tra, kiểm tra giúp giảm mạnh chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, hạn chế những nhiễu. VCCI ước tính chi phí không chính thức đã giảm khoảng 30% trong 5 năm, tỷ lệ doanh nghiệp phàn nàn về thanh tra chồng chéo giảm hơn 15 điểm %, niềm tin vào hệ thống pháp luật tăng rõ rệt. Đây là nền tảng để khu vực tư nhân yên tâm đầu tư dài hạn, thay vì ăn xổi hoặc chuyển vốn ra nước ngoài.

4. Thể chế phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển khu vực kinh tế tư nhân được ví như tuyên ngôn tái khởi động Đổi mới lần hai khi xác định kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nghị quyết yêu cầu xóa bỏ cơ chế phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và FDI; mở rộng tiếp cận đất đai, tín dụng, thị trường và công nghệ; bảo vệ quyền sở hữu, quyền tài sản, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

Thực tế cho thấy, khu vực tư nhân hiện đóng góp khoảng 42-45% GDP, 85% lực lượng lao động, 98% số doanh nghiệp. Năm 2025, số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tiếp tục tăng mạnh, doanh nghiệp tư nhân ngày càng xuất hiện nhiều trong các lĩnh vực công nghệ, năng lượng tái tạo, dịch vụ chất lượng cao.

Tuy nhiên, rào cản về vốn dài hạn, khả năng tham gia chuỗi cung ứng FDI, năng lực quản trị và đổi mới sáng tạo vẫn còn lớn. Nghị quyết 68 nhấn mạnh việc phát triển thị trường vốn, trái phiếu doanh nghiệp minh bạch, quỹ đầu tư mạo hiểm, cũng như xây dựng chương trình quốc gia phát triển nhà cung ứng để doanh nghiệp Việt vươn lên thành đối tác cấp 1-2 của các tập đoàn đa quốc gia.

5. Thể chế chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và cải cách hành chính

Ngoài bốn nghị quyết nêu trên, hai trụ cột mang tính xuyên suốt là chuyển đổi số - chuyển đổi xanh và cải cách hành chính quy mô lớn đang định nghĩa lại cách Nhà nước tương tác với thị trường. Chiến lược quốc gia về kinh tế số đặt mục tiêu kinh tế số đạt 20,5% GDP năm 2025 và 30% năm 2030, trong khi cam kết phát thải ròng bằng 0 vào 2050 kéo theo hàng loạt chiến lược về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, quy hoạch điện VIII. Đến nửa đầu 2025, kinh tế số ước đạt khoảng 20% GDP; nhiều doanh nghiệp lớn đã triển khai mô hình song trùng số - xanh, áp dụng tiêu chuẩn ESG, tham gia thị trường tín chỉ carbon và trái phiếu xanh.

Cải cách hành chính 2025 cũng được đánh giá là sâu rộng nhất nhiều thập kỷ, với việc sáp nhập các đơn vị hành chính, tinh gọn đầu mối bộ, ngành, địa phương và số hóa hàng chục nghìn thủ tục hành chính. Chính phủ chuyển mạnh sang mô hình hai cấp chính quyền, phát huy vai trò chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, đồng thời đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên môi trường số. Điều này không chỉ tiết kiệm chi phí ngân sách, mà quan trọng hơn là giảm đáng kể chi phí giao dịch cho doanh nghiệp, tăng tốc độ ra quyết định và triển khai chính sách.

Năm trụ cột thể chế mới - đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế trong tình hình mới mới, pháp luật hiện đại, kinh tế tư nhân năng động và chuyển đổi số - xanh gắn với cải cách hành chính, đang tạo nên hạ tầng mềm cho giai đoạn phát triển mới của Việt Nam. Nếu triển khai nhất quán đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIV, đây sẽ là nền tảng để Việt Nam không chỉ duy trì tăng trưởng cao mà còn nâng tầm chất lượng phát triển, tiến gần mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI.

Tiến sĩ Phạm Ngọc Hương Quỳnh - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguồn: vietnamnet.vn

NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW VÀ KỶ VỌNG MỚI CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP NĂM 2026

Nhân dịp đầu năm mới 2026, trao đổi với báo chí, Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Hồ Sỹ Hùng cho biết, nhìn lại năm 2025, Chính phủ, các bộ, ngành cùng các cơ quan của Quốc hội đã triển khai khối lượng rất lớn công việc nhằm hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh.

Doanh nghiệp kỳ vọng chính sách điều hành được ban hành sớm, phổ biến rộng rãi

Trong tài chính công, cơ chế phân bổ ngân sách chuyển mạnh sang theo mục tiêu, gắn với phân cấp, phân quyền. Dòng vốn công được vận hành thông thoáng hơn, tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp tham gia đồng đầu tư.

Trong thuế và hải quan, chính sách từng bước minh bạch hơn. Việc áp dụng phân luồng, cải cách thủ tục giúp giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp. Các thông tư hướng dẫn cụ

thê hơn, dễ thực hiện hơn. Cùng với đó, hệ thống đại lý thuế giúp doanh nghiệp tiếp cận và tuân thủ quy định hiệu quả.

Ở lĩnh vực đầu tư, nhiều thủ tục được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án. Cơ chế phân cấp mạnh mẽ hơn, nhiều dự án không còn phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư như trước. Điều này góp phần cắt giảm điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi hơn cho sản xuất - kinh doanh.

Đáng chú ý, trao đổi với Báo điện tử Chính phủ, Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho rằng, chủ trương chuyển đổi từ thuế khoán sang hình thức khai thuế là phù hợp và cần thiết. Vấn đề quan trọng lúc này là cách triển khai sao cho hiệu quả, đồng bộ và tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Theo đó, hệ thống ứng dụng phải thân thiện, dễ sử dụng, đi kèm mạng lưới hỗ trợ, đào tạo, hướng dẫn cụ thể cho hộ kinh doanh. Việc thay đổi thói quen, cách làm không thể diễn ra trong “một sớm một chiều”, bởi cả người dân lẫn cơ quan thuế đều cần thời gian thống nhất cách hiểu, quy trình và phương thức vận hành.

“Chính sách đã rõ, nhưng quá trình thực hiện chắc chắn sẽ phát sinh vướng mắc. Điều quan trọng là kiên trì, điều chỉnh từng bước, bởi đây được xem là con đường phù hợp và không còn lựa chọn khác trong giai đoạn hiện nay”, Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chia sẻ.

Ở góc nhìn đồng hành với doanh nghiệp, người đứng đầu Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhấn mạnh vai trò truyền tải thông tin điều hành của Chính phủ và Thủ tướng đến cộng đồng doanh nghiệp một cách kịp thời, đầy đủ, dễ hiểu. Khi nắm rõ định hướng, doanh nghiệp mới củng cố được niềm tin, phối hợp tốt hơn với cơ quan quản lý và chủ động trong thủ tục hành chính.

Thực tế cho thấy, có lúc giữa cơ quan công quyền và doanh nghiệp vẫn xuất hiện khác biệt trong cách hiểu cùng một vấn đề. Vì vậy, càng cần những thông điệp rõ ràng từ Chính phủ, đồng thời nâng cao nhận thức của doanh nghiệp để phối hợp nhịp nhàng hơn.

Cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng chính sách điều hành được ban hành sớm, phổ biến rộng rãi, tạo nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng. Bên cạnh đó là các định hướng về thị trường, tiêu chuẩn hàng hóa, điều kiện kinh doanh ở lĩnh vực mới để doanh nghiệp lên kế hoạch sản xuất, đầu tư phù hợp.

Hiện nay, nhiều thẩm quyền đã được phân cấp mạnh về địa phương, doanh nghiệp chủ yếu làm việc qua hệ thống hành chính cơ sở. Những dự án lớn, định hướng chiến lược mới đưa lên cấp Chính phủ, Thủ tướng. Doanh nghiệp mong muốn nhất hiện nay có thông tin rõ ràng, nhất quán, sát thực để yên tâm đầu tư dài hạn, đồng hành cùng quá trình chuyển đổi chính sách.

Theo Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, định hướng và mục tiêu phát triển đã rõ. Điều quan trọng là doanh nghiệp phải chủ động tiếp cận chính sách, tận dụng cơ hội thay vì chờ đợi.

Trong năm 2026, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục ưu tiên đổi mới chính sách, tham gia góp ý từ cấp thông tư. Đồng thời, phối hợp triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, giúp họ tận dụng tốt hơn cơ chế mới. Các bộ chỉ số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) tiếp tục được hoàn thiện, gắn với yêu cầu phát triển bền vững, kinh tế xanh, thị trường carbon và tài chính xanh.

Năm bản lề cải cách và kỳ vọng 2026, khẳng định vị thế doanh nghiệp tư nhân

Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Hồ Sỹ Hùng nhấn mạnh: Nghị quyết 68-NQ/TW đã xác lập khu vực doanh nghiệp tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế, đồng thời thừa nhận doanh nhân là lực lượng trực tiếp tham gia, thực hiện và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội. Việc khẳng định vị thế doanh nhân tạo thêm niềm tin để họ mạnh dạn đầu tư, chấp nhận rủi ro, hoạch định kế hoạch kinh doanh dài hạn. Khi thể chế ổn định, nhất quán và rõ ràng, doanh nghiệp có cơ sở để yên tâm bỏ vốn, đổi mới sản xuất, mở rộng thị trường.

Bước sang năm 2026, cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng các nội dung của Nghị quyết 68 sẽ tiếp tục được cụ thể hóa, giúp xác lập rõ vai trò doanh nhân trong nền kinh tế, tạo sự an tâm khi ra quyết định đầu tư. Đi kèm với đó là yêu cầu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giữ sự nhất quán trong ban hành và thực thi pháp luật.

Quan trọng hơn, mối quan hệ hợp tác giữa Nhà nước và khu vực tư nhân, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư công - tư, cần được vận hành minh bạch, thuận lợi để doanh nghiệp có thể tiếp cận và tham gia nhiều dự án hơn. Bước vào năm 2026, doanh nghiệp nhìn thấy ba không gian cơ bản. Thứ nhất là thị trường trong nước hơn 100 triệu dân. Thu nhập cải thiện kéo theo nhu cầu tiêu dùng đa dạng hơn, tạo dư địa cho các sản phẩm và dịch vụ giá trị gia tăng cao.

Thứ hai là thị trường quốc tế, với hệ thống hiệp định thương mại tự do, các khuôn khổ hợp tác và ưu đãi thuế quan tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ ba là cơ hội tiếp cận vốn. Việc hình thành trung tâm tài chính quốc tế, nâng cấp thị trường chứng khoán, phát triển tài chính xanh, cùng các quỹ bảo lãnh và quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... mở thêm lựa chọn nguồn lực cho đầu tư.

Song song, doanh nghiệp đặc biệt kỳ vọng vào thị trường lao động chất lượng cao. Một hệ thống đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn, đội ngũ quản lý có trình độ và kỹ năng sẽ giúp nâng cao năng lực quản trị, giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh.

Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhận định, năm 2025 là năm bản lề của cải cách pháp luật. Khối lượng luật, nghị định, thông tư ban hành rất lớn, đòi hỏi nỗ lực cao để bảo đảm đồng bộ và khả thi. Quy mô thay đổi lớn khiến cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp cần thêm thời gian thích ứng. Bước sang 2026, vẫn còn nhiều thách thức, nhưng việc điều chỉnh chính sách dự kiến phần nào “nhẹ” hơn khi khung khổ pháp lý dần hoàn thiện.

Nguồn: baohinhphu.vn

TẠO CHUYỂN BIẾN THỰC CHẤT TRONG “CAO ĐIỂM 60 NGÀY” XÓA BỎ THUẾ KHOẢN

Không chỉ tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành vi của hộ kinh doanh, Chiến dịch 60 ngày cao điểm xóa bỏ thuế khoán của ngành Thuế còn được lãnh đạo Chính phủ đánh giá cao, coi là sáng kiến thiết thực, cần nhân rộng trong cải cách quản lý thuế.

Tuyên truyền đa kênh, tạo đồng thuận từ cơ sở

Theo Cục Thuế, Chiến dịch “60 ngày cao điểm chuyển đổi mô hình từ hộ, cá nhân kinh doanh khoán sang kê khai” được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, có tính cấp bách và phạm vi tác động rộng. Trên cơ sở đó, ngành Thuế đã kịp thời ban hành kế hoạch triển khai thống nhất trong toàn ngành, bảo đảm sự đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

Ngay từ đầu chiến dịch, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách được xác định là nhiệm vụ xuyên suốt. Mục tiêu là giúp hộ kinh doanh hiểu đúng, hiểu đầy đủ về quy định chuyển đổi từ phương pháp khoán sang phương pháp kê khai, từ đó chủ động thực hiện nghĩa vụ thuế, giảm tâm lý e ngại và sự phụ thuộc vào hỗ trợ trực tiếp.

Trong suốt 60 ngày cao điểm, các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình Trung ương và địa phương, cùng hệ thống website và nền tảng số của ngành Thuế đã phát huy vai trò là kênh thông tin chính thống. Nội dung tuyên truyền được cập nhật thường xuyên, tập trung vào hướng dẫn thực hiện, giải đáp vướng mắc và các tình huống phát sinh trong quá trình kê khai.

Trên các nền tảng số như Zalo, YouTube, Fanpage, thông tin được thiết kế theo hướng trực quan, dễ tiếp cận thông qua infographic, hỏi - đáp ngắn gọn, giúp hộ kinh doanh thuận tiện tra cứu và áp dụng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hình thức này còn hạn chế đối với nhóm hộ lớn tuổi, kinh doanh nhỏ lẻ, khả năng tiếp cận công nghệ còn thấp.

Vì vậy, ngành Thuế đã linh hoạt kết hợp giữa tuyên truyền số và tuyên truyền trực tiếp. Lũy kế đến hết tuần thứ 8, toàn ngành đã cấp phát hơn 1,3 triệu ấn phẩm tuyên truyền trên phạm vi cả nước. Các tài liệu được sử dụng hiệu quả tại hội nghị hướng dẫn, hoạt động hỗ trợ lưu động ở chợ, tuyến phố kinh doanh. Nhiều địa phương như Bắc Ninh, Phú Thọ, Lào Cai, Hà Nội, TP.HCM đã triển khai hiệu quả cách làm này, góp phần tạo sự đồng thuận từ cơ sở.

Hỗ trợ trực tiếp – “đòn bẩy” thay đổi hành vi tuân thủ

Trong các hình thức được triển khai trong Chiến dịch “60 ngày cao điểm chuyển đổi mô hình từ hộ, cá nhân kinh doanh khoán sang kê khai”, hỗ trợ trực tiếp được đánh giá là giải pháp có hiệu quả cao nhất, tác động rõ rệt đến nhận thức và hành vi tuân thủ của hộ kinh doanh. Thông qua việc bố trí cán bộ tại thuế cơ sở để trực tiếp hướng dẫn kê khai, thực hành sử dụng hóa đơn điện tử và giải đáp kịp thời các vướng mắc phát sinh, nhiều hộ kinh doanh đã có chuyển biến tích cực, từng bước chủ động thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

Thực tế cho thấy, khi được hướng dẫn cụ thể, “cầm tay chỉ việc”, hộ kinh doanh không còn tâm lý e ngại hay né tránh như trước. Thay vì thụ động tiếp nhận thông tin, nhiều hộ đã

chủ động tìm hiểu, đặt câu hỏi và mong muốn thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thuế. Kết quả này phản ánh hiệu quả thực chất của công tác tuyên truyền, hỗ trợ trong thời gian qua, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho việc chuyển đổi phương thức quản lý thuế theo hướng hiện đại, minh bạch.

Lũy kế trong toàn ngành Thuế, đã có trên 1,4 triệu lượt giải đáp, hỗ trợ hộ kinh doanh được thực hiện. Con số này cho thấy nhu cầu được hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn của hộ kinh doanh vẫn ở mức cao, đặc biệt trong giai đoạn các hộ bắt đầu trực tiếp thực hành kê khai và sử dụng các ứng dụng thuế điện tử. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Bắc Ninh tiếp tục là những địa phương dẫn đầu về số lượng hỗ trợ. Đồng thời, các tỉnh có nhiều hộ kinh doanh ở vùng sâu, vùng xa như Điện Biên, Phú Thọ, Thái Nguyên, Đắk Lắk cũng tích cực bố trí nguồn lực, bảo đảm công tác hỗ trợ được triển khai đồng đều, không để khoảng trống chính sách.

Phối hợp liên thông, chuẩn bị nền tảng hậu chiến dịch

Song song với tuyên truyền và hỗ trợ trực tiếp, việc phối hợp với chính quyền địa phương, đặc biệt là đội ngũ công chức cấp xã, phường, thị trấn, được tăng cường trong suốt thời gian triển khai. Thông qua phối hợp, cơ quan thuế tiếp cận sát hơn từng hộ kinh doanh, nhất là hộ nhỏ lẻ, kinh doanh không thường xuyên hoặc ở khu vực khó tiếp cận.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan đã hình thành mạng lưới hỗ trợ đồng bộ, liên thông từ cấp tỉnh đến cơ sở. Nhờ đó, công tác hỗ trợ không chỉ dừng ở cung cấp thông tin mà còn giúp hộ kinh doanh từng bước thực hành, làm quen và tự tin chuyển đổi sang phương pháp kê khai.

Tổng hợp báo cáo từ các địa phương cho thấy: 100% thuế cơ sở bố trí cán bộ hỗ trợ trong suốt chiến dịch; hơn 10.000 điểm hỗ trợ trực tiếp được tổ chức; trên 500.000 lượt hộ kinh doanh được hướng dẫn kê khai, sử dụng hóa đơn điện tử và ứng dụng thuế điện tử. Đa số hộ được hỗ trợ đánh giá có thể tự thực hiện kê khai sau khi được hướng dẫn, giảm đáng kể nhu cầu hỗ trợ lặp lại.

Đánh giá chung cho thấy chiến dịch đã hoàn thành mục tiêu đề ra, tạo chuyển biến tích cực cả về nhận thức và hành động của hộ kinh doanh, đồng thời đặt nền tảng ổn định cho giai đoạn triển khai chính sách tiếp theo.

Trên cơ sở đó, Cục Thuế đã ban hành Quyết định số 3789/QĐ-CT về Chương trình hành động “Đồng hành cùng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong tuân thủ pháp luật thuế”, chính thức kích hoạt từ ngày 01/01/2026. Chương trình nhấn mạnh cam kết “ba không”: không phát sinh thủ tục hành chính mới, không gây phiền hà và không tạo khoảng cách giữa cơ quan quản lý và người nộp thuế; đồng thời đánh dấu sự chuyển đổi căn bản từ tiền kiểm sang hậu kiểm, từ mệnh lệnh hành chính sang phục vụ, hỗ trợ.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NGHỊ QUYẾT 66-NQ/TW: CUỘC CÁCH MẠNG TƯ DUY VỀ PHÁP LUẬT

Sau một thời gian ban hành, Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật không chỉ là chỉ đạo mang tính kỹ thuật pháp luật mà còn là một cuộc cách mạng tư duy về pháp luật và quản trị đất nước.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII, tháng 4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư Tô Lâm làm Trưởng Ban được thành lập để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện tổ chức thực hiện giải pháp hoàn thiện thể chế, pháp luật.

Với việc tham mưu ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW, Bộ, ngành Tư pháp góp phần quan trọng trong đổi mới tư duy xây dựng, thi hành pháp luật, nhằm xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế-xã hội.

Sau thời gian triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW, theo Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp thứ hai của Ban Chỉ đạo đã ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Bộ Tư pháp và các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương trong việc hoàn thành 100% (40/40) nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW có thời hạn trong năm 2025.

Đồng thời, đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo trong lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW thời gian qua đã tạo được chuyển biến rõ nét với nhiều nội dung đột phá trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Đã hoàn thành mục tiêu “năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật” với 462/470 (chiếm 98,3%) khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật được xử lý.

Có thể khẳng định, những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật đã cơ bản được giải quyết, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường phân cấp về đầu tư, ngân sách nhà nước, sửa đổi các luật thuế, tạo ra đột phá về thể chế phát triển, tháo gỡ các điểm nghẽn và rào cản; đặt người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, nhằm huy động và khơi thông mọi nguồn lực; thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế quốc gia.

Các bộ, ngành đã rà soát và cắt giảm thực chất các điều kiện đầu tư, kinh doanh, với tỉ lệ cắt giảm đạt từ 30% đến gần 40% trong một số lĩnh vực, nhằm giảm chi phí tuân thủ và thúc đẩy môi trường cạnh tranh.

Nghị quyết số 66-NQ/TW đã tạo chuyển biến rõ nét với nhiều nội dung đột phá trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật được chỉ

“Đích danh” để tập trung tháo gỡ theo mức độ cấp bách

Thực hiện tinh thần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đổi mới tư duy xây dựng, thi hành pháp luật tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, nhiều quy trình xây dựng, rà soát, soạn thảo văn bản... đã tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và khai thác dữ liệu mở giúp các cơ quan tiến hành phân tích tác động chính sách nhanh chóng và toàn diện hơn, sớm phát hiện mâu thuẫn về hình thức, chồng chéo về nội dung nhằm giảm thiểu tình trạng xung đột pháp lý.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh khẳng định, Nghị quyết số 66-NQ/TW không chỉ là chỉ đạo mang tính kỹ thuật pháp luật mà còn là một cuộc cách mạng tư duy về pháp luật và quản trị đất nước. Việc triển khai Nghị quyết không phải là nhiệm vụ hẹp trong ngành tư pháp, mà là một nhiệm vụ chiến lược của toàn hệ thống chính trị, nhằm xây dựng một nền pháp luật phục vụ hiệu quả phát triển xã hội và quản trị hiện đại.

Dưới góc nhìn tổng thể, Nghị quyết số 66-NQ/TW chính là một văn kiện định hướng cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với những yêu cầu cao hơn về chất lượng tăng trưởng, quản trị quốc gia và hội nhập quốc tế. Việc ban hành Nghị quyết xuất phát từ đòi hỏi khách quan của thực tiễn.

Tinh thần xuyên suốt của Nghị quyết là đặt pháp luật vào vị trí trung tâm của tiến trình phát triển, coi pháp luật không chỉ là công cụ quản lý mà là động lực kiến tạo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đồng thời khơi thông các nguồn lực cho đổi mới sáng tạo.

Từ thực tiễn triển khai, nhiều ý kiến cho rằng Nghị quyết số 66-NQ/TW đã tạo ra chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cơ quan nhà nước về vai trò của pháp luật. Pháp luật ngày càng được tiếp cận theo hướng phục vụ phát triển, phục vụ nhân dân, thay vì chỉ nhấn mạnh chức năng quản lý, kiểm soát. Sự chuyển biến này, dù mới ở giai đoạn đầu, nhưng có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW cũng đặt ra những yêu cầu và thách thức không nhỏ. Việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật trong điều kiện đổi mới nhanh chóng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật cũng như tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm, giải quyết một cách đồng bộ, bài bản.

Có thể khẳng định rằng, sau một thời gian ban hành, Nghị quyết 66-NQ/TW đã và đang phát huy vai trò định hướng quan trọng, khởi xướng cuộc làm mới về tư duy pháp luật ở Việt Nam. Với quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc của cả hệ thống, tinh thần của nghị quyết được kỳ vọng sẽ tiếp tục được lan tỏa mạnh mẽ, góp phần xây dựng hệ thống pháp luật thực

sự là nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nguồn: baochinhpvu.vn

“BẢN SAO SỐ”: CÔNG CỤ ĐIỀU HÀNH, QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Trong quá trình đổi mới phương thức quản lý, điều hành gắn với chuyển đổi số, khái niệm bản sao số đang được nhắc tới như một hướng tiếp cận mới trong quản trị đô thị. Từ những mô hình đang được nghiên cứu, thí điểm tại Hà Nội, bản sao số được đặt trong mối liên hệ với yêu cầu tổ chức bộ máy tinh gọn, tăng cường sử dụng dữ liệu số và từng bước thay đổi cách thức vận hành của chính quyền theo hướng hiện đại, minh bạch.

Yêu cầu cấp thiết trong quản trị trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Quá trình đô thị hóa nhanh, quy mô dân số đô thị gia tăng đang tạo ra áp lực ngày càng lớn đối với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường và công tác quản trị đô thị. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức quản lý, điều hành đô thị, đặc biệt trong bối cảnh các địa phương triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian.

Phát biểu tại Hội nghị Thành phố Thông minh Việt Nam - Châu Á, diễn ra mới đây, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội Trương Việt Dũng cho biết: “Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, quy mô dân số đô thị gia tăng, kéo theo áp lực ngày càng lớn với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường và công tác quản trị đô thị. Và Hà Nội không đứng ngoài, thậm chí là chưa bao giờ chúng tôi thấy rằng phát triển đô thị thông minh cần thiết như bây giờ. Bên cạnh câu chuyện về công nghệ và hạ tầng, vẫn còn những vấn đề mang tính nền tảng cần tiếp tục được trao đổi, làm rõ: Đô thị thông minh phục vụ ai, mang lại những giá trị gì cho đời sống người dân, và được đánh giá bằng những tiêu chí nào?”

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chính từ những câu hỏi đó, nhu cầu chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thực tiễn giữa các cơ quan quản lý, chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp trở nên cần thiết, nhằm lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với điều kiện và bối cảnh của Việt Nam trong quá trình phát triển đô thị thông minh.

Từ thực tiễn quản trị đô thị, một vấn đề được nhiều chuyên gia đặt ra là làm thế nào để công tác giám sát, điều hành vẫn bám sát thực tiễn cơ sở khi bộ máy chính quyền được tổ chức lại theo hướng tinh gọn. Việc phụ thuộc vào các báo cáo hành chính truyền thống được cho là khó đáp ứng yêu cầu quản trị ngày càng phức tạp của đô thị hiện đại.

Theo Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam – VINASA Nguyễn Văn Khoa, xu hướng phát triển đô thị hiện nay đang chuyển từ “đô thị kết nối” sang “đô thị có nhận thức”, trong đó dữ liệu và trí tuệ nhân tạo AI đóng vai trò hỗ trợ quan trọng

cho quản lý và điều hành. Cách tiếp cận này hướng tới việc sử dụng dữ liệu để chủ động đáp ứng nhu cầu của người dân, thay vì chỉ phản ứng khi vấn đề phát sinh.

Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia Hoàng Hữu Hạnh cho rằng, đô thị thông minh không thể bắt đầu từ công nghệ đơn thuần, mà cần đặt trên nền tảng thể chế, dữ liệu và con người. “Việc hoàn thiện khung pháp lý và quy chuẩn dữ liệu được xem là điều kiện cần để các địa phương triển khai đô thị thông minh theo hướng thực chất, tránh đầu tư dàn trải”, ông Hoàng Hữu Hạnh nói.

Đề cập trực tiếp tới yêu cầu quản trị trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Tiến sĩ Nguyễn Nhật Quang, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ VINASA đề xuất mô hình “bản sao số liên hợp” như một công cụ hỗ trợ quản lý. “Dữ liệu phát sinh tại xã, phường được quản lý và cập nhật ngay tại cơ sở, đồng thời kết nối liên thông lên cấp trên, giúp lãnh đạo các cấp theo dõi tình hình theo thời gian thực, hỗ trợ giám sát và điều hành khi giảm bớt các tầng nấc trung gian”, Tiến sĩ Nguyễn Nhật Quang nhận định.

Từ thí điểm tại Hà Nội đến những bước đi ban đầu

Tại Hà Nội, khái niệm “bản sao số” đang từng bước được cụ thể hóa thông qua một số mô hình thí điểm gắn với cải cách hành chính và quản trị đô thị thông minh. Một trong những mô hình đang được triển khai là Kiosk thông minh và Hệ thống xác thực, cấp bản sao số tài liệu điện tử do Trung tâm Phục vụ Hành chính công Thành phố Hà Nội thực hiện.

Theo Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công Thành phố Hà Nội Cù Ngọc Trang, chỉ riêng thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính, mỗi tháng Thành phố tiếp nhận gần 70.000 hồ sơ, trong khi tại nhiều xã, phường chỉ có 1 đến 2 cán bộ tư pháp phụ trách. Khối lượng công việc lớn đặt ra yêu cầu phải có giải pháp hỗ trợ nhằm giảm áp lực cho bộ máy và tạo thuận lợi hơn cho người dân.

Từ thực tế đó, hệ thống xác thực và cấp bản sao số tài liệu điện tử được nghiên cứu, phát triển và đưa vào thí điểm. Hệ thống ứng dụng AI, OCR, xác thực khuôn mặt, cho phép người dân thực hiện chứng thực tại Kiosk thông minh. Bản sao số được cấp có mã định danh, mã QR và được lưu trữ trên hệ thống điện tử của Thành phố, phục vụ nhu cầu tra cứu, sử dụng khi cần thiết.

Tại cơ sở, phường Giảng Võ cũng đã cho triển khai mô hình “Bản sao số phường Giảng Võ” nhằm xây dựng hệ thống dữ liệu số phục vụ quản lý đất đai, trật tự xây dựng, quy hoạch và hạ tầng giao thông. Dữ liệu được tổ chức, lưu trữ tập trung, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

Việc triển khai bản sao số tại phường Giảng Võ cho thấy cấp cơ sở đang từng bước tiếp cận các phương thức quản lý mới dựa trên dữ liệu số. Dù còn ở giai đoạn đầu, các mô hình này được xem là bước chuẩn bị nền tảng dữ liệu cho công tác quản lý, điều hành trong thời gian tới...

Nguồn: kinhtedothi.vn

NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

Thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm ký ban hành Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế nhà nước”.

Toàn văn Nghị quyết như sau:

Kinh tế nhà nước là thành phần đặc biệt quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền tảng của kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực do Nhà nước nắm giữ, quản lý và chi phối hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, ổn định vĩ mô và bảo đảm an ninh, quốc phòng, như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, các công trình kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư xây dựng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống, đơn vị sự nghiệp công lập...

Sau 80 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, kinh tế nhà nước luôn giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt chức năng định hướng, dẫn dắt, điều tiết các hoạt động kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Chính sách pháp luật về kinh tế nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp thực tiễn phát triển của nền kinh tế. Quản lý, khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực, tài sản của Nhà nước chưa thực sự hiệu quả, chưa gắn với yêu cầu hạch toán kinh tế đầy đủ, còn lãng phí, thất thoát, chưa thể hiện rõ vai trò chủ đạo, chi phối trong nền kinh tế quốc dân. Các doanh nghiệp nhà nước - lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, hoạt động chưa hiệu quả, chưa tương xứng với vị trí, nguồn lực đang nắm giữ; năng lực cạnh tranh quốc tế còn hạn chế; chưa đóng vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo và dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu. Hệ thống tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập chưa tinh gọn, cơ chế hoạt động và tự chủ tài chính chậm đổi mới; lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ còn chậm, chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu. Một số tồn tại, vướng mắc kéo dài, chưa được xử lý kịp thời, gây lãng phí, thất thoát.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên, nhưng chủ yếu là do còn hạn chế về tư duy, nhận thức đối với vị trí, vai trò, phạm vi của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng; chưa giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội; thể chế pháp luật chưa đồng bộ, còn vướng mắc, bất cập; tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn chưa nghiêm; công tác phối hợp trong quản lý, sử dụng và hành động giữa các cơ quan chưa thực sự hiệu quả; trình độ đội ngũ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; ý thức trách nhiệm, đặc biệt là đối với người đứng đầu, trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chưa cao, thậm chí cố tình

làm sai để tham nhũng; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý.

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế nhà nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa đất nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045 nhân kỷ niệm 100 năm thành lập Nước, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả một số chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước.

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần phát huy giá trị văn hóa và tiến bộ công bằng, an sinh xã hội; là nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

2. Kinh tế nhà nước bình đẳng trước pháp luật với các khu vực kinh tế khác, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; tiếp cận công bằng, công khai, minh bạch các nguồn lực, thị trường và cơ hội phát triển; cùng với các thành phần kinh tế trong nước, xây dựng nền kinh tế tự chủ, tự lực, tự cường, bảo đảm an ninh kinh tế, thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

3. Các nguồn lực kinh tế nhà nước phải được rà soát, thống kê, đánh giá, hạch toán đầy đủ theo nguyên tắc thị trường, gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Khởi thông các điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí. Đánh giá tác động và phân tích lợi ích - chi phí xã hội của đầu tư nguồn lực vật chất của Nhà nước theo thông lệ quốc tế. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội. Tách bạch việc sử dụng nguồn lực nhà nước trong cung cấp hàng hóa, dịch vụ công, thực hiện nhiệm vụ chính trị với các hoạt động kinh doanh.

4. Kinh tế nhà nước phải tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế. Chú trọng xây dựng và phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại nhà nước lớn, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt, tạo động lực thúc đẩy các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược, có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu hoặc các ngành, lĩnh vực thiết yếu. Phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong mối quan hệ liên kết, hợp tác nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế nhà nước, nhất là trong định hướng sử dụng nguồn lực và tổ chức

thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề cao trách nhiệm giải trình; chú trọng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, hoạt động và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước trong những ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu, chiến lược; dẫn dắt, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống người dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Về đất đai, tài nguyên:* Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng:* Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; tập trung hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, kết nối liên vùng, liên tỉnh, khu vực và thế giới.

- *Về ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:* Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 18% GDP; bội chi ngân sách khoảng 5% GDP; nợ công không quá 60% GDP; tỷ trọng chi đầu tư phát triển khoảng 35-40% tổng chi ngân sách, tỷ trọng chi thường xuyên khoảng 50 - 55% tổng chi ngân sách. Phấn đấu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030. Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- *Về doanh nghiệp nhà nước:* Phấn đấu có 50 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á và từ 1 - 3 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; xây dựng một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào một số chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế; 100% doanh nghiệp nhà nước thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số; 100% tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước:* Phấn đấu có ít nhất 3 ngân hàng thương mại nhà nước thuộc nhóm 100 ngân hàng lớn nhất khu vực châu Á về tổng tài sản; phát triển 4 ngân hàng thương mại nhà nước đi đầu, tiên phong về công nghệ, năng lực quản trị, chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường trong toàn hệ thống ngân hàng.

- Về đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục xã hội hóa mạnh mẽ cung cấp các dịch vụ công; tiếp tục tinh gọn đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc bảo đảm tự chủ chiến lược, tự cường và sức cạnh tranh toàn diện của nền kinh tế; quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao và hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu, cung ứng dịch vụ công chất lượng cao, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội; cùng với các khu vực kinh tế khác hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Phân đầu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP; khoảng 60 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á; 5 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; tối thiểu 50% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên hoạt động hiệu quả theo cơ chế thị trường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã xác định tại các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nguồn lực đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập... đồng thời, tập trung triển khai mạnh mẽ, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp dưới đây:

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật-kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia, khuyến khích hợp tác công tư trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất của Nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước, bảo đảm thu nhập tương xứng, phù hợp với thị trường lao động. Có chính sách hiệu quả nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi. Thiết lập quy trình xem xét độc lập, toàn diện và minh bạch để đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật nhằm xử lý đúng người, đúng tội.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia; trong đó, dữ liệu về chủ thể và các nguồn lực của kinh tế nhà nước được chuẩn hóa, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên, bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; khai thác, sử dụng dữ liệu để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực nhà nước, làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực.

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trên nền tảng số, bảo đảm thống nhất với lộ trình kế hoạch chuyên đổi số tại các bộ, cơ quan, địa phương và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để gây khó khăn cho các tổ chức, đơn vị; các vụ việc gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa từ sớm, từ xa; thu hồi tối đa cho Nhà nước những tài sản, kinh phí bị sử dụng sai mục đích hoặc bị chiếm đoạt, không để gây ra hệ lụy ảnh hưởng đến nền kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân. Có các giải pháp cụ thể đẩy nhanh việc xử lý các dự án, công trình tồn đọng kéo dài nhằm khơi thông và phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về đất đai và tài nguyên; phân cấp, phân quyền hợp lý trong quản lý, khai thác và sử dụng. Xây dựng thể chế để huy động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai, biển, đảo, đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển.

Khẳng định đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt, thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Phấn đấu đến hết năm 2026 hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác; rà soát chính xác các loại đất để có phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia kết hợp nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp và dịch vụ, đô thị, thúc đẩy việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế và có tầm nhìn dài hạn. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý đất đai, trước mắt trong năm 2026 hoàn thành việc xây dựng và ban hành Luật Đất đai sửa đổi và các văn bản hướng dẫn nhằm tháo gỡ các vướng

mắc trong quản lý đất đai, khơi thông nguồn lực từ đất đai. Có cơ chế, chính sách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận đất đai; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội; làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và cương quyết thu hồi đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích, lãng phí.

- Hiện đại hóa quản trị nhằm điều hòa, phân phối, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, hợp lý giữa các đối tượng sử dụng, ngành kinh tế, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và an ninh năng lượng. Áp dụng công cụ kinh tế, tài chính để tạo cơ chế hạch toán và chia sẻ lợi ích trong quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, công bằng, bền vững, nâng cao giá trị của tài nguyên nước.

- Điều tra, thăm dò, thống kê đầy đủ các nguồn tài nguyên, khoáng sản để thống nhất quản lý, sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy việc tiếp cận, tiến tới làm chủ công nghệ khai thác, chế biến sâu các loại khoáng sản, nhất là những loại khoáng sản chiến lược cho các ngành công nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài nhằm thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản trong nước chưa có hoặc trữ lượng hạn chế.

- Có cơ chế quản lý tập trung, liên ngành, bảo đảm khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên biển, đảo. Tăng cường điều tra cơ bản, xây dựng hệ thống dữ liệu các loại tài nguyên khu vực biển, đảo, có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế kết hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền đất nước. Phát triển nhanh và bền vững các loại năng lượng sạch, xanh từ biển; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi. Nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển; có cơ chế thúc đẩy việc nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản vùng biển xa với công nghệ hiện đại, bền vững, phù hợp luật pháp quốc tế. Xây dựng và phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng lưỡng dụng quân-dân sự tại các đảo, vị trí trọng yếu. Ưu tiên xây dựng các công trình hạ tầng biển, đảo trọng yếu khác nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh. Kinh tế biển phải trở thành một cấu phần quan trọng trong kinh tế nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác và bảo vệ vùng trời, khu nhận diện phòng không; hiện đại hóa hệ thống quản lý bay, bảo đảm an toàn, an ninh không phận. Ban hành cơ chế vượt trội, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, triển khai các khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) để thúc đẩy phát triển kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp, ngành công nghiệp hàng không, vũ trụ.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm. Đẩy mạnh công tác quy hoạch tích hợp không gian ngầm với quy hoạch đô thị và hạ tầng; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số hóa không gian ngầm thống nhất, hiện đại. Khuyến khích các hình thức huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư trong đầu tư, khai thác công trình ngầm; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học-công nghệ tiên tiến.

- Hoàn thiện đồng bộ khung pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên số và tài nguyên viễn thông để phát triển thị trường dữ liệu, sản giao dịch dữ liệu và kinh tế dữ liệu. Thúc đẩy hợp tác công tư trong phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số tiên tiến. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh đối với hoạt động phát triển kinh tế số. Chủ động đấu tranh phòng, chống hoạt động lợi dụng công nghệ số, giao dịch điện tử... để xâm phạm lợi ích của Nhân dân, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia. Thực thi hiệu quả các chính sách để đưa tài nguyên số và dữ liệu quốc gia trở thành nguồn lực chiến lược.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn, đồng bộ, hiện đại, vượt trước, đón đầu xu thế phát triển và dịch chuyển của các ngành kinh tế trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu, gia tăng khả năng chống chịu các hình thái thời tiết cực đoan. Bảo đảm quy hoạch đồng bộ, liên kết, đa ngành, đa mục tiêu nhằm khai thác hiệu quả và tận dụng tối đa chức năng của các loại hình kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công-tư như "đầu tư công-quản trị tư", "đầu tư tư-sử dụng công" và các hình thức hợp tác công tư khác để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả nhất các công trình kết cấu hạ tầng.

- Khẩn trương bổ sung khung pháp lý về quản lý, khai thác, sử dụng đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa thể thao, du lịch, hạ tầng các khu công nghiệp, công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu trung tâm tài chính quốc tế,... do Nhà nước đầu tư để huy động nguồn lực ngoài ngân sách cùng tham gia trên cơ sở bảo đảm tính hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước

- Đổi mới quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đặt trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngân sách.

- Chủ động nghiên cứu và xây dựng lộ trình phù hợp để triển khai các loại thuế mới liên quan đến tài sản, mức phát thải carbon,... bảo đảm bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, tăng tính bền vững cơ cấu nguồn thu, nâng cao tính công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thu; hiện đại hóa quy trình, công tác quản lý thu, giảm tối đa chi phí tuân thủ; có chính sách tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trên cơ sở củng cố vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tăng tính chủ động và tự chủ cho ngân sách địa phương; phân cấp các nhiệm vụ chi ngân sách gắn trực tiếp

quyền lợi và trách nhiệm của từng cấp, bảo đảm nguyên tắc cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho ngân sách cấp đó thực hiện.

- Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, tránh dàn trải, manh mún. Ngân sách trung ương tập trung đầu tư các công trình hạ tầng chiến lược, kết nối liên vùng, khu vực và quốc tế, các dự án có tính chất đột phá về phát triển kinh tế-xã hội. Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật quản lý đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn đầu tư công.

- Hạn chế tối đa việc quy định cụ thể tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng (trừ những ngành, lĩnh vực có quy định riêng theo các nghị quyết của Đảng) nhằm bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả trong phân bổ, bố trí nguồn ngân sách nhà nước, phù hợp với các ưu tiên chính sách trong từng năm, từng giai đoạn cụ thể.

- Đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho ngân sách. Bảo đảm nguyên tắc, cân đối ngân sách chỉ vay cho chi đầu tư phát triển và trong phạm vi khả năng trả nợ. Phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về nợ công có tính kết nối giữa Trung ương và địa phương, phục vụ công tác điều hành tài khóa chủ động, hiệu quả. Tăng cường công khai, minh bạch thông tin về nợ công; xây dựng kế hoạch vay, trả nợ công trung hạn, gắn với kiểm soát rủi ro và năng lực trả nợ; bố trí nguồn trả nợ hằng năm đầy đủ, đúng hạn.

b) Dự trữ quốc gia

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế dự trữ quốc gia bảo đảm đồng bộ; tích hợp định hướng yêu cầu duy trì nguồn lực dự trữ quốc gia trong các chiến lược về quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Rà soát danh mục hàng hóa, củng cố hệ thống kho tàng, tăng cường đầu tư, cải cách quy trình, thủ tục xuất cấp để dự trữ quốc gia thực sự trở thành nguồn lực dự trữ chiến lược, cho phép Nhà nước có đủ năng lực can thiệp, điều tiết, cứu trợ, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh, thảm họa, nhanh chóng ổn định đời sống người dân, đáp ứng yêu cầu cấp bách quốc phòng, góp phần thực hiện an sinh xã hội, duy trì ổn định thị trường, trật tự, an toàn xã hội, tham gia triển khai các hoạt động cứu trợ nước ngoài, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống kho tàng, hạ tầng bảo quản, ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia thông minh. Nghiên cứu cơ chế đầu tư kho, bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo phương thức hợp tác công tư.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù trong mua, bán, nhập, xuất, chuyển đổi mục đích, luân chuyển hàng dự trữ quốc gia để chủ động, linh hoạt, kịp thời, bảo đảm yêu cầu trong mọi tình huống. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia một số hoạt động dự trữ quốc gia theo nguyên tắc thị trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực dự trữ quốc gia của các quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; nghiên cứu cơ chế chia sẻ nguồn lực

cần thiết, nhất là qua cơ chế dự trữ khu vực ASEAN, ASEAN+3,... để tăng tính kịp thời, chủ động, hiệu quả trong xử lý các tình huống khẩn cấp.

c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Tiếp tục hoàn thiện khung thể chế, tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Rà soát, sáp nhập, giải thể các quỹ ngoài ngân sách trùng lặp, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển; giảm đầu mối để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng các quỹ; đẩy mạnh số hóa, công khai thông tin và kết quả hoạt động. Tăng cường cơ chế ủy thác quản lý tài chính quỹ cho các tổ chức ngân hàng, công ty tài chính chuyên nghiệp; các cơ quan nhà nước chỉ tập trung xây dựng tiêu chí, điều kiện huy động và giải ngân vốn từ quỹ. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa và giảm phụ thuộc vào ngân sách.

- Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

d) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

Chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý, đầu tư phát triển, thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp (tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn), bảo đảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

- Tập trung đầu tư, phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế như: Quốc phòng, an ninh; năng lượng; vận tải, logistics; tài chính-ngân hàng; khoa học-công nghệ, điện tử-viễn thông, hạ tầng số; khai thác, chế biến khoáng sản chiến lược; hóa chất; xây dựng, vật liệu xây dựng; nông, lâm nghiệp;...

Có chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn thông qua tăng vốn điều lệ, bao gồm: Cho phép sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tăng tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp; rà soát, đánh giá lại tài sản đã hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng. Khuyến khích hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao các doanh nghiệp nhằm phát huy lợi thế tổng thể của ngành kinh tế.

Đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp, Nhà nước có chính sách bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp khác trong chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm hình thành các doanh nghiệp, nhóm liên kết doanh nghiệp tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát huy lợi thế, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực xã hội, tránh chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm lợi ích hài hoà, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Doanh nghiệp nhà nước sử dụng các nguồn lực để chủ động dẫn dắt, kích hoạt và huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, tạo sức lan tỏa và hiệu ứng cộng hưởng trong phát triển kinh tế.

b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững

- Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh và tiên phong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các tập đoàn, tổng công ty phải xây dựng, hình thành trung tâm nghiên cứu-phát triển, phòng thí nghiệm để tiên phong thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và tăng sức cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và đồng hành với các chủ thể kinh tế khác triển khai chuyển đổi số. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí thải nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn sử dụng nguyên liệu đầu vào là thành phần gây ảnh hưởng môi trường.

- Kết quả nghiên cứu, phát triển do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thành công phải được ứng dụng vào thực tế trong các khâu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan tỏa công nghệ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác cùng phát triển. Nhà nước có cơ chế đặt hàng đối với các sản phẩm công nghệ do các doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, chế tạo, có chất lượng tương đương hàng nhập khẩu, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận thị trường, nâng cao năng lực tiếp tục hoàn thiện, phát triển sản phẩm.

- Doanh nghiệp nhà nước được quyết định sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chủ động triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm. Có cơ chế cho phép các doanh nghiệp nhà nước tự hình thành hoặc liên kết với Nhà nước và các doanh nghiệp khác hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước tham gia mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tham gia vào các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ và thương vụ mua bán, sáp nhập gắn với hoạt động chuyển giao công nghệ.

c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp

- Hoàn thiện quy định xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm trách nhiệm đi đôi với quyền hạn; cơ chế giám sát hoạt động, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, các chức danh quản lý tại doanh nghiệp gắn với việc nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện, tăng cường phân công, phân cấp.

- Thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích. Kiên quyết thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực, làm trì trệ, kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong việc thu hút nguồn lực chất lượng cao. Xây dựng cơ chế thưởng tại doanh nghiệp theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Có cơ chế để doanh nghiệp cổ phần được chủ động hình thành quỹ cổ phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước. Thí điểm cơ chế đặc thù về thuế, tuyển dụng, bổ nhiệm giám đốc/tổng giám đốc tại một số doanh nghiệp nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phản ánh đầy đủ lợi thế, các nguồn lực Nhà nước giao thông qua các chỉ số hiệu quả tài chính, phi tài chính được lượng hóa, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạch toán tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Khẩn trương rà soát, xử lý các dự án đầu tư yếu kém, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, xác định rõ và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, tạo điều kiện để doanh nghiệp phá sản hoặc tiếp tục tái cơ cấu, hoạt động lành mạnh trở lại, tránh để kéo dài gây lãng phí, thất thoát tài sản, nguồn vốn, giảm thiểu thiệt hại cho nhà nước, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu đổi mới hoàn thiện mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu, mô hình Hội đồng thành viên bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ.

d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước

- Tập trung cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước một cách thực chất, hiệu quả, giảm đầu mối, tăng quy mô nhằm thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới; khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực doanh nghiệp có lợi thế so sánh, nhu cầu thị trường lớn, có khả năng tiếp cận công nghệ mới, góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu truyền thống và phát triển thị trường mới để hình thành các tập đoàn đa quốc gia. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường ra nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy hợp tác chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cổ phần hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, thu hút thêm sự tham gia từ các khu vực kinh tế khác nhằm tăng cường năng lực quản trị, cải thiện công nghệ, nguồn lực tài chính để doanh nghiệp phát triển sau cổ phần hóa. Việc cổ phần hóa phải bảo đảm không ảnh hưởng đến kiểm soát của Nhà nước trong những lĩnh

vực then chốt, chiến lược, không làm mất đi các thương hiệu quốc gia có uy tín và không làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì có cơ chế, lộ trình phù hợp nhằm: (i) Sáp nhập với các doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, tăng quy mô, hiệu quả hoạt động. (ii) Chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước trung ương hoặc địa phương để rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại để có giải pháp cơ cấu lại vốn phù hợp. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải dựa trên các tiêu chí công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật theo nguyên tắc Nhà nước làm những gì mà tư nhân không làm hoặc không có khả năng làm, những gì tư nhân làm được thì Nhà nước phải làm tốt hơn; các thương hiệu quốc gia có uy tín phải tiếp tục được đầu tư để hoạt động hiệu quả hơn.

- Tái cơ cấu toàn diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) theo hướng kinh doanh vốn chuyên nghiệp, tiến tới hình thành Quỹ đầu tư quốc gia. Tập trung nguồn lực từ cơ cấu lại vốn tại các doanh nghiệp và các nguồn lực nhà nước giao khác để: (i) Đầu tư phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn, các doanh nghiệp có hiệu quả cao. (ii) Đầu tư vào dự án trong các ngành, lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, có tính chất quan trọng đối với nền kinh tế. (iii) Triển khai đầu tư trực tiếp và hỗ trợ các nguồn lực để doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài; thực hiện mua bán, sáp nhập để tiếp cận các công nghệ mới, công nghệ lõi, công nghệ và công nghiệp chiến lược hoặc vì mục tiêu lợi nhuận cao. Có cơ chế giám sát độc lập đối với quá trình chuyển giao và quản lý vốn của SCIC tại các doanh nghiệp, bảo đảm việc cơ cấu lại doanh nghiệp, đầu tư vốn được thực hiện một cách hiệu quả, đúng giá thị trường và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, đặc biệt là tái cơ cấu về tài chính, xử lý nợ xấu của khu vực doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại theo cơ chế thị trường.

2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

- Áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại, nâng cao năng lực quản lý rủi ro; bảo đảm minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số toàn diện cho tổ chức tín dụng nhà nước; số hóa dịch vụ, dữ liệu, quản lý vốn theo thời gian thực; phát triển các dịch vụ ngân hàng số, mở rộng cung cấp sản phẩm tài chính trực tuyến đến mọi vùng miền của cả nước.

- Tổ chức, sắp xếp mạng lưới ngân hàng thương mại nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tiếp tục tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước để nâng cao năng lực tài chính, tỉ lệ an toàn vốn và hiệu quả hoạt động.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển Ngân hàng chính sách xã hội; cơ cấu lại toàn diện Ngân hàng phát triển Việt Nam nhằm đa dạng hóa nguồn lực, tăng vốn, tinh gọn, hiệu quả, phát huy sức mạnh Nhà nước trong đầu tư và an sinh xã hội, gắn nhiệm vụ chính sách

với phát triển kinh tế-xã hội; tập trung vào các ngành, lĩnh vực, hạ tầng quan trọng, địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; sắp xếp, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bảo đảm kinh phí cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; kiên quyết không để việc thiếu nguồn lực (con người, tài chính,...) dẫn tới giảm chất lượng phục vụ người dân; chuyển các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao sang thực hiện theo cơ chế thị trường.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tiếp tục chuyển mạnh từ cấp trực tiếp kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, gắn với cơ chế kiểm soát; đơn giản hóa quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí với lộ trình phù hợp khả năng chi trả người dân và cân đối ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh.

- Khuyến khích tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Mở rộng, nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác công tư trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công có khả năng cạnh tranh; chú trọng cơ chế hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ trên cơ sở bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng cơ chế, chính sách chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập trong những ngành, lĩnh vực phù hợp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tối thiểu chi thường xuyên trở lên được tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương và các khoản thù lao, đãi ngộ khác, tuyển dụng và sử dụng nhân sự theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tập trung đầu tư phát triển đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập quan trọng có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trong một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, ngành công nghệ chiến lược.

- Có cơ chế nâng cao hiệu quả hoạt động và minh bạch của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghiên cứu thực hiện mô hình quản trị và điều hành đơn vị sự nghiệp công lập theo tiêu chuẩn, chuẩn mực tiên tiến, hiện đại, minh bạch gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Thí điểm thành lập bộ phận có chức năng tư vấn chuyên sâu trong các đơn vị có quy mô lớn và thực hiện việc thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Không tổ chức Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập; củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong đơn vị theo quy định.

- Đẩy mạnh kiểm định, đánh giá độc lập và công khai kết quả chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo tiêu chuẩn, tiêu chí do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành. Hoàn thiện tiêu chí xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên

ngành. Ứng dụng công nghệ số để người dân trực tiếp đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ sự nghiệp công.

Nguồn: baochinhpheu

SỬA MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 372/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Giảm thời gian xử lý thủ tục đổi Giấy phép hoạt động

Nghị định số 372/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP về thủ tục đổi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo hướng giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 7 ngày; gửi hồ sơ trực tiếp tới Bộ Nội vụ và trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cụ thể:

“2. Thủ tục:

a) Doanh nghiệp dịch vụ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Nội vụ hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia <https://dichvucong.gov.vn>.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, cấp đổi Giấy phép cho doanh nghiệp dịch vụ. Trường hợp không cấp đổi Giấy phép, Bộ Nội vụ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

Bổ sung quy định về thông báo đáp ứng điều kiện của thị trường, ngành nghề

Nghị định số 372/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 15a quy định về việc doanh nghiệp dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định có văn bản thông báo về việc đáp ứng điều kiện của thị trường, ngành nghề, cụ thể như sau:

“Điều 15a. Thông báo đáp ứng điều kiện của thị trường, ngành nghề

1. Trước khi thực hiện hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản và nghề hộ lý tại Nhật Bản, doanh nghiệp thực hiện việc thông báo trực tuyến trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về việc đáp ứng điều kiện của thị trường, ngành, nghề theo quy định tại Điều 12, Điều 15 của Nghị định này.

2. Ngay sau khi doanh nghiệp thực hiện việc thông báo trực tuyến tại khoản 1 Điều này thành công, doanh nghiệp được phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại các thị trường, ngành nghề đã thông báo.

3. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại thị trường, ngành, nghề đã thông báo đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp thực hiện thông báo chấm dứt hoạt động trực tuyến trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Sau khi thông báo chấm dứt hoạt động thành công, doanh nghiệp không phải duy trì các điều kiện tương ứng quy định tại Điều 12, Điều 15 của Nghị định này.

4. Bộ Nội vụ có trách nhiệm thông báo, cập nhật thông tin các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện hoạt động, không đáp ứng điều kiện hoạt động hoặc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản và nghề hộ lý tại Nhật Bản đến các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận lao động để phối hợp quản lý.

5. Trong trường hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gặp sự cố đường truyền, kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng làm gián đoạn quá trình thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp nộp 01 bản giấy Thông báo theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nội vụ.”

Thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài

Nghị định số 372/2025/NĐ-CP cũng bổ sung các quy định về việc thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài. Cụ thể:

“Điều 15b. Thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài

1. Việc thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài theo yêu cầu của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận lao động được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Doanh nghiệp nhập thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận, thông tin người lao động tại thông báo bao gồm:

- a) Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính;
- b) Quê quán;
- c) Nơi thường trú;
- d) Số định danh cá nhân;
- đ) Số hộ chiếu;
- e) Số điện thoại liên hệ tại Việt Nam;
- g) Ngày dự kiến xuất cảnh;
- h) Số điện thoại liên hệ của người thân tại Việt Nam.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách người lao động, Bộ Nội Vụ có trách nhiệm xác nhận thông báo của doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gặp sự cố đường truyền, kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng làm gián đoạn quá trình thực hiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều này, doanh nghiệp nộp 01

bản giấy danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận và bao gồm các thông tin tại khoản 2 Điều này đến Bộ Nội vụ.”

Điều kiện đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc); Nhật Bản; giúp việc gia đình ở nước ngoài

Ngoài ra, Nghị định số 372/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 12 và Điều 15 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP về điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) và Nhật Bản theo hướng bổ sung điều kiện doanh nghiệp được cấp Giấy phép và đã thực hiện việc thông báo đáp ứng điều kiện thị trường, ngành, nghề; đồng thời không quy định yêu cầu số lượng cụ thể nhân viên có năng lực ngoại ngữ (tiếng Trung, tiếng Nhật) để thực hiện các nội dung hoạt động liên quan. Cụ thể:

“Điều 12. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc)

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép và đã thông báo đáp ứng điều kiện thị trường, ngành, nghề theo quy định tại Điều 15a Nghị định này.

2. Doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực tiếng Trung trình độ tối thiểu HSK5 hoặc tương đương và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 02 năm tính đến ngày thông báo đáp ứng điều kiện đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc).”

“Điều 15. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép và đã thông báo đáp ứng điều kiện thị trường, ngành, nghề theo quy định tại Điều 15a Nghị định này.

2. Doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản.

3. Trường hợp doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc nghề hộ lý tại Nhật Bản, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giáo viên để bồi dưỡng kỹ năng nghề hộ lý cho người lao động theo chương trình của Nhật Bản;

b) Có cơ sở đào tạo hoặc cơ sở liên kết đào tạo của doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có các trang bị, thiết bị nghe nhìn cơ bản để phục vụ đào tạo tiếng Nhật, có phòng thực hành được trang bị xe lăn, khung hỗ trợ di chuyển, giường y tế, bàn ghế ăn, tay vịn gắn tường, ghế tắm, bồn tắm, bồn cầu tự động và tủ đựng dụng cụ y tế để phục vụ bồi dưỡng kỹ năng nghề hộ lý theo chương trình của Nhật Bản.”

Về hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài, Nghị định số 372/2025/NĐ-CP sửa đổi theo hướng đơn giản hóa các điều kiện về số lượng và tiêu chuẩn đối với nhân viên nghiệp vụ để thực hiện nội dung hoạt động liên quan, cụ thể như sau:

“Điều 20. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép.

2. Doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có nhân viên của doanh nghiệp thường trực ở nước ngoài có năng lực ngoại ngữ phù hợp và kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận.

b) Có nhân viên nghiệp vụ có kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận.”

Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU TẤT CẢ SỰ KIỆN HỘ TỊCH ĐỀU THỰC HIỆN TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 2836/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030 (Chương trình) với mục tiêu tổng quát là tất cả sự kiện hộ tịch đều được đăng ký, quản lý trên môi trường điện tử.

Mọi người dân được thiết lập hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân

Mục tiêu tổng quát của Chương trình là bảo đảm các sự kiện hộ tịch của công dân Việt Nam; người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam; người nước ngoài, người gốc Việt Nam được đăng ký kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật; chất lượng và tỷ lệ đăng ký hộ tịch được nâng cao, tập trung vào tỷ lệ đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử đúng hạn, bảo đảm quyền đăng ký hộ tịch của nhóm đối tượng yếu thế, vùng sâu, vùng xa; hướng tới mục tiêu tất cả sự kiện hộ tịch đều được đăng ký, quản lý trên môi trường điện tử; dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đầy đủ, chính xác, thống nhất, cập nhật kịp thời, kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả.

Đồng thời, bảo đảm mọi người dân được thiết lập hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân, được cấp giấy tờ hộ tịch hợp lệ (bản điện tử, bản giấy) đặc biệt là Giấy khai sinh có đầy đủ, thống nhất nội dung, phù hợp với thông lệ quốc tế; đẩy mạnh truyền thông, tăng cường nhận thức, thúc đẩy thay đổi hành vi, mức độ ủng hộ, khai thác, sử dụng của xã hội đối với giấy tờ, dữ liệu điện tử, đăng ký trực tuyến, sử dụng số định danh cá nhân, Ứng dụng định danh điện tử quốc gia - VNeID.

Số liệu đăng ký hộ tịch được thống kê, tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời, có các chỉ tiêu thống kê cơ bản theo thông lệ quốc tế và được công bố công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật; số liệu hộ tịch được thống kê kịp thời, đầy đủ; thống kê nguyên nhân tử vong được cải thiện về chất lượng; tăng cường tính tin cậy, minh bạch, hiệu quả của số liệu thống kê hộ tịch, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung,” kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu hiệu quả...

Bảo đảm 100% công dân Việt Nam có Giấy khai sinh hợp lệ

Về đăng ký khai sinh, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ đăng ký khai sinh đúng hạn cho trẻ em (tiêu chí đúng hạn theo quy định pháp luật hộ tịch của Việt Nam) đạt 98,5%. Tỷ lệ đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra sống trong vòng 1 năm kể từ ngày sinh (tiêu chí thống kê theo thông lệ quốc tế) đạt 99%.

Tạo lập bản điện tử Giấy khai sinh cho toàn bộ công dân Việt Nam đã đăng ký khai sinh từ ngày 01/01/2016 trở về trước và còn sống tại thời điểm tạo lập (tạo lập hồi tố giai đoạn 2); bảo đảm 100% công dân Việt Nam (còn sống) có Giấy khai sinh hợp lệ.

Về đăng ký khai tử, đến năm 2030 phấn đấu tỷ lệ đăng ký khai tử đúng hạn (tiêu chí thống kê theo quy định pháp luật hộ tịch của Việt Nam) đạt 90%.

Tỷ lệ đăng ký khai tử trong vòng 1 năm kể từ ngày chết (tiêu chí thống kê theo thông lệ quốc tế) đạt 95%. Tỷ lệ đăng ký khai tử đúng hạn cho các trường hợp chết tại cơ sở y tế và được cấp Giấy báo tử, đạt 100%.

Về cập nhật tình trạng hôn nhân khi có thay đổi do ly hôn, hủy việc kết hôn, đến năm 2030 dữ liệu về các trường hợp ly hôn theo bản án/quyết định đã có hiệu lực của Tòa án được đồng bộ ngay (theo thời gian thực) từ Cơ sở dữ liệu của Tòa án nhân dân tối cao sang Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, được cơ quan đăng ký hộ tịch ghi vào sổ hộ tịch; rà soát, đối chiếu, cập nhật thông tin về các trường hợp ly hôn từ 31/12/2025 trở về trước và đủ điều kiện được đồng bộ từ Cơ sở dữ liệu của Tòa án sang Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đạt 95%.

Chương trình có 7 nội dung chính và 5 giải pháp thực hiện.

Bảy nội dung của Chương trình

1. Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia thực hiện Chương trình: Ban Chỉ đạo do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Trưởng ban, thành viên là đại diện Lãnh đạo Bộ Tư pháp và một số bộ, ngành có liên quan.

Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm điều phối, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện; giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo kết quả và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động đăng ký, thống kê hộ tịch: Rà soát, đánh giá toàn diện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch và lĩnh vực liên quan; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Hộ tịch và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong năm 2026 và các năm tiếp theo, bảo đảm tính khả thi,

phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hoá phương thức đăng ký hộ tịch, đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình, phân quyền triệt để cho chính quyền cơ sở trong đăng ký hộ tịch, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân...

3. Cải thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; hiện đại hóa phương thức đăng ký, thống kê hộ tịch: Nâng cấp, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thành Cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm về an ninh, an toàn dữ liệu, phù hợp với vai trò, vị trí thực tế của Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, tăng cường hiệu quả kết nối, chia sẻ dữ liệu hộ tịch...

4. Nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình, việc bố trí nhân sự và cơ cấu nhân sự làm công tác đăng ký, thống kê hộ tịch, bảo đảm chuyên nghiệp, hiện đại, tập trung; năng lực đáp ứng cả về trình độ, tiêu chuẩn chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng hỗ trợ và thái độ thực hiện công vụ.

5. Xây dựng, thực hiện Kế hoạch truyền thông về đăng ký, thống kê hộ tịch; tuyên truyền thường xuyên, toàn diện, hiệu quả, bảo đảm nhận thức đầy đủ, chính xác của các cơ quan, tổ chức, các cấp chính quyền và người dân về ý nghĩa, vai trò của đăng ký, thống kê hộ tịch, quyền và trách nhiệm đăng ký hộ tịch, tiện ích, giá trị pháp lý của việc đăng ký hộ tịch điện tử, các giấy tờ hộ tịch điện tử, các kết quả nổi bật của hoạt động đăng ký, thống kê hộ tịch; hướng tới thay đổi hành vi từ “thụ động” sang “chủ động” đăng ký đúng hạn, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, kỹ năng truyền thông, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử đối với cán bộ, công chức.

6. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế thực hiện việc cấp Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, ghi nhận, xác định nguyên nhân tử vong; xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm tính đầy đủ, kịp thời, toàn diện của Cơ sở dữ liệu về Giấy chứng sinh, Giấy báo tử; cải thiện chất lượng ghi nhận thông tin nguyên nhân tử vong.

7. Thu thập chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin thống kê hộ tịch, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu khai thác, sử dụng của tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật...

5 Giải pháp thực hiện

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật đa phương tiện;

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đối với công tác đăng ký, thống kê hộ tịch; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và có các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành;

3. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký hộ tịch;

4. Duy trì và phát huy hiệu quả của công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương trong công tác đăng ký, thống kê hộ tịch;

5. Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách phù hợp để thực hiện Chương trình; tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế cho công tác đăng ký, thống kê hộ tịch.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Đồng chí Phạm Đại Dương, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương được điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ nhiệm kỳ 2025 - 2030, chỉ định tham gia Đảng ủy Quân khu 2.

- Đồng chí Vũ Hoàng Anh, Trợ lý đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương thôi giữ chức Trợ lý đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương; điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai; được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu, nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Chuẩn y đồng chí Nguyễn Ngọc Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lai Châu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Chủ tịch nước

Bổ nhiệm các đồng chí: Lê Tiến, Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao và Nguyễn Biên Thùy, Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao giữ chức vụ Phó chánh án Tòa án Nhân dân tối cao

* Tỉnh Đồng Nai

- Điều động, bổ nhiệm ông Dương Minh Dũng, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Long Thành (trước là huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai), giữ chức Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.

- Chỉ định ông Nguyễn Hữu Nguyên, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Long Thành.

Nguồn: Tổng hợp từ baocinhphu.vn/vov.vn